DANH MỤC

Phụ lục 1. Văn bản pháp lý

Phụ lục 2. Sơ đồ bản vẽ kỹ thuật

Phụ lục 3. Kết quả khảo sát chất lượng môi trường

Phụ lục 4. Tham vấn cộng đồng

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Công văn số 6146/BKHĐAT – KTĐN ngày 01/09/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và cầu Vũ Yên
2. Công văn số 3592/BKHĐT – KTĐN ngày 13/05/2016 về việc các dự án đề nghị Chính phủ Nhật Bản cung cấp ODA vốn vay tài khóa năm 2016
3. Công văn số 432/CV – MTĐT ngày 07/07/2016 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng về việc cho phép đổ thải để phục vụ thi công Dự án Xây dựng cầu Nguyễn Trãi
4. Thông báo số 391/TB – UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016; Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp về chuyển đổi chủ đầu tư một số Dự án

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6146 /BKHĐT-KTĐN V/v lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và cầu Vũ Yên thành phố Hải Phòng	*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2015*

CÔNG VĂN ĐẾN 3407 ... 9 ... 2015

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn số 123/BQLPTĐT-DA ngày 12/8/2015 của Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị thành phố Hải Phòng liên quan đến việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và cầu Vũ Yên thành phố Hải Phòng. Về việc này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo như sau:

Theo Đề cương dự án gửi kèm công văn nêu trên của Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị thành phố Hải Phòng, dự án có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 9.501,75 tỷ đồng bao gồm nguồn ODA vốn vay Nhật Bản và nguồn vốn đối ứng. Căn cứ điều 8 và điều 17 Luật Đầu tư công, dự án thuộc nhóm A và Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định chủ trương đầu tư dự án. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trao đổi với phía Nhật Bản để đưa dự án vào Danh sách dài các dự án dự kiến sử dụng ODA vốn vay Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2017. Hiện nay phía Nhật Bản đang xem xét tính khả thi của dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo và đề nghị quý Ủy ban xem xét việc chuẩn bị đầu tư theo hướng dẫn tại Luật Đầu tư công.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo để quý Ủy ban được biết và chỉ đạo Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị thành phố Hải Phòng thực hiện./.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Tống Quốc Đạt

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban QLCTXDPTĐT tp. Hải Phòng;
- Lưu VT, KTĐN. L4.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3592 /BKHĐT-KTĐN
V/v Các dự án đề nghị Chính phủ Nhật Bản cung cấp ODA vốn vay tại khóa 2016

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2016

Kính gửi: UBND TP. Hải Phòng

SAO GỬI	TRÍ	GIA
CT L.V.Thành		
PCT T.T.L.K.Nam		
PCT L.T.Sơn	X	
PCT N.X.Bình		
PCT N.V.Tùng		
PCVP PT N.K.Phú		
PCVP B.B.Sơn		
PCVP B.N.Hải		
P. N1		
P. N2		
P.KTTH		
P.VX		
P.NC		
P.TH		
VP BCSĐ		
BAN TCD		
P.HCTC		
P.QTTV		
TTTTTH		
TTNN		

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn đề xuất sử dụng ODA vốn vay tại khóa 2016 của Chính phủ Nhật Bản đối với một số dự án sau:

1. Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Ninh Bình - Nghi Sơn) (Cơ quan chủ quản: Bộ Giao thông vận tải)

2. Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam (đoạn Nghi Sơn - Bãi Vọt) (Cơ quan chủ quản: Bộ Giao thông vận tải)

3. Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam (đoạn Dầu Giây - Liên Khương) (Cơ quan chủ quản: Bộ Giao thông vận tải)

4. Dự án quản lý nguồn nước Bến Tre (Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

5. Dự án tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam (Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

6. Dự án tín dụng chuỗi giá trị nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng (Cơ quan chủ quản: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

7. Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Đà Nẵng (Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

8. Dự án xây dựng cầu Nguyễn Trãi (Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

9. Dự án tăng cường môi trường đầu tư của tỉnh Hà Nam (Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

10. Dự án vay vốn tín dụng ngành dựa trên kết quả đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng (Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Ngày 2/5/2016, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đã có hiệu lực thi hành, trong đó quy định chi tiết việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án. Các dự án nêu trên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài

trợ nên sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo để quý Cơ quan biết và thực hiện./.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Tống Quốc Đạt

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTĐN. L(10)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Số: 432 /CV-MTĐT
V/v Cho phép đổ chất thải để phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 7 tháng 7 năm 2016

BQL.CÔNG TRÌNH XD PT ĐÔ THỊ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 262
Ngày 07 Tháng 7 Năm 2016

Kính gửi: Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị.

Ngày 7 tháng 7 năm 2016 công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng nhận được Văn bản số 98/BQLPTĐT-QLCL ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị về việc đề nghị cho phép đổ chất thải để phục vụ thi công Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi. Sau khi xem xét công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng có ý kiến như sau:

Hiện nay công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng đang quản lý khu xử lý chất thải rắn của thành phố trên địa bàn quận Hải An. Qua xem xét, khảo sát vị trí khu vực xây dựng dự án, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng đồng ý cho phép đổ chất thải rắn vào bãi chất thải của Công ty để phục vụ thi công Dự án xây dựng cầu Nguyễn Trãi.

Đề nghị Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị xác định khối lượng (tạm tính), thời gian thi công và làm các thủ tục có liên quan trước khi triển khai thực hiện.

Trân trọng phúc đáp!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Biên

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC

Số: 165 /TN-KH

(V/v đổ chất thải để phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2016

BQL.CÔNG TRÌNH XD PT ĐÔ THỊ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 264
Ngày 08 Tháng 7 Năm 2016

Kính gửi: Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị

Ngày 7 tháng 7 năm 2016, Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng có nhận được công văn số 99/BQLPTĐT-QLCL ký ngày 20/6/2016 của Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị về việc đề nghị cho phép đổ chất thải để phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi.

Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng trả lời như sau:

Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng đồng ý tiếp nhận và xử lý chất thải bùn hữu cơ vào bãi thải Tràng Cát của dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi do Quý Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị đang quản lý.

Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng đề nghị Quý Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị gửi các hồ sơ liên quan và cử cán bộ sang làm việc trực tiếp tại Phòng Kế hoạch – Vật tư Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng – Số 1 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng để ký hợp đồng đổ và xử lý bùn, phốt theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THOÁT NƯỚC HẢI PHÒNG

Bùi Văn Thắng

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu : VT, KH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 321 /TB-UBND	*Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2016*

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN CẦU HẢI PHÒNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 657
Ngày 26 tháng 10 Năm 2016

THÔNG BÁO

Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp về chuyển đổi chủ đầu tư một số dự án

---

Ngày 19/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Văn Tùng chủ trì cuộc họp về chuyển đổi chủ đầu tư một số dự án mới. Dự cuộc họp có các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố. Sau khi nghe ý kiến tham gia của các Sở, ngành và ý kiến phát biểu của các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kết luận như sau:

1. Để phát huy tốt năng lực, kinh nghiệm của các ban quản lý dự án, Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý giao Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng là chủ đầu tư các dự án xây dựng cầu Nguyễn Trãi, cầu Vũ Yên thay cho Ban Quản lý công trình xây dựng và phát triển đô thị.

2. Ban Quản lý công trình xây dựng và phát triển đô thị, Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng và các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện các thủ tục bàn giao chủ đầu tư. Hoàn thành trong tháng 11/2016.

3. Giao các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan hướng dẫn các Ban Quản lý thực hiện theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, GTVT, Nội vụ;
- BQL các dự án cầu HP; BQL công trình Xây dựng và phát triển đô thị;
- CVP, các PCVP;
- Các Phòng: TCNS, GTXDCT;
- CV: KHĐT;
- Lưu VT.

TL. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Hoàng Long

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 321 /TB-UBND	*Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2016*

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN CẦU HẢI PHÒNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 657
Ngày 26 tháng 10 Năm 2016

THÔNG BÁO

Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp về chuyển đổi chủ đầu tư một số dự án

---

Ngày 19/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Văn Tùng chủ trì cuộc họp về chuyển đổi chủ đầu tư một số dự án mới. Dự cuộc họp có các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố. Sau khi nghe ý kiến tham gia của các Sở, ngành và ý kiến phát biểu của các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kết luận như sau:

1. Để phát huy tốt năng lực, kinh nghiệm của các ban quản lý dự án, Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý giao Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng là chủ đầu tư các dự án xây dựng cầu Nguyễn Trãi, cầu Vũ Yên thay cho Ban Quản lý công trình xây dựng và phát triển đô thị.

2. Ban Quản lý công trình xây dựng và phát triển đô thị, Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng và các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện các thủ tục bàn giao chủ đầu tư. Hoàn thành trong tháng 11/2016.

3. Giao các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan hướng dẫn các Ban Quản lý thực hiện theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, GTVT, Nội vụ;
- BQL các dự án cầu HP; BQL công trình Xây dựng và phát triển đô thị;
- CVP, các PCVP;
- Các Phòng: TCNS, GTXDCT;
- CV: KHĐT;
- Lưu VT.

TL. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC 2
SƠ ĐỒ BẢN VẼ KỸ THUẬT

1. Bố trí chung cầu Nguyễn Trãi

ELEVATION S=1:2,500

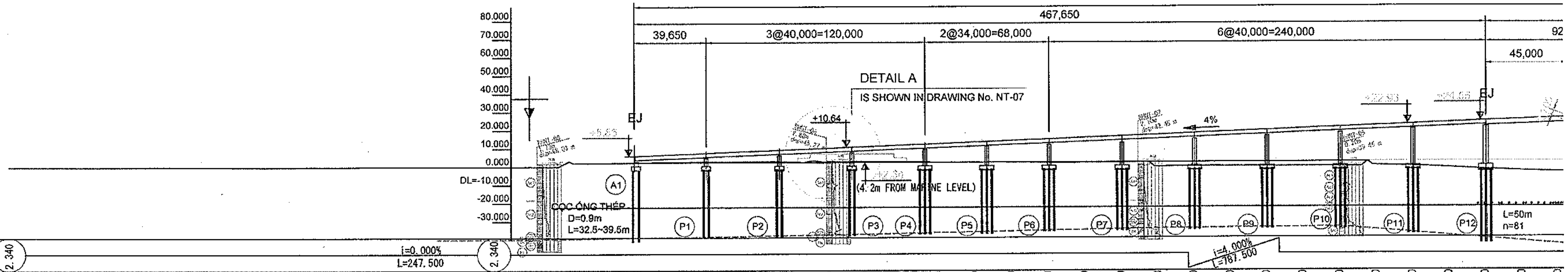

BP	0.000	-0.160	4.200
+20.000	20.000	-0.100	4.200
+40.000	40.000	-0.120	4.200
+60.000	60.000	-0.080	4.200
+80.000	80.000	-0.050	4.200
NO.1	100.000	-0.020	4.200
+20.000	120.000	-0.070	4.200
+40.000	140.000	-0.100	4.200
+60.000	160.000	-0.060	4.200
+80.000	180.000	0.000	4.200
NO.2	200.000	0.050	4.200
+20.000	220.000	0.060	4.206 4.200
+40.000	240.000	0.030	4.313
+60.000	260.000	0.030	4.521 4.553
KA 1-1	277.878	0.120	4.800
+80.000	280.000	0.110	4.926
+94.000	294.000	0.096	
NO.3	300.000	0.090	
+20.000	320.000	2.020	5.433
+40.000	340.000	2.220	6.073
KE 1-1	357.878	2.490	6.755
+60.000	360.000	2.508	6.840
+80.000	380.000	2.680	7.640
NO.4	400.000	2.750	8.440
+20.000	420.000	2.830	9.240
+40.000	440.000	3.029	10.040
+60.000	460.000	2.810	10.840
+80.000	480.000	2.640	11.640
NO.5	500.000	2.480	12.440
KE 1-2	506.516	2.460	12.701
+20.000	520.000	2.400	13.240
+40.000	540.000	2.280	14.040
+60.000	560.000	2.160	14.840
+80.000	580.000	1.860	15.640
KA 1-2	586.516	1.880	15.901
NO.6	600.000	2.120	16.440
+20.000	620.000	2.180	17.240
+40.000	640.000	0.000	18.040
+60.000	660.000	-0.060	18.840
+80.000	680.000	-0.070	19.640
NO.7	700.000	-0.080	20.440
+20.000	720.000	-0.130	21.240
+40.000	740.000	-0.310	22.040
+60.000	760.000	0.080	22.840
+80.000	780.000	-0.480	23.640
NO.8	800.000	-1.490	24.440
+20.000	820.000	-2.490	25.240
+40.000	840.000	-3.150	26.040

ELEVATION S=1:2,500

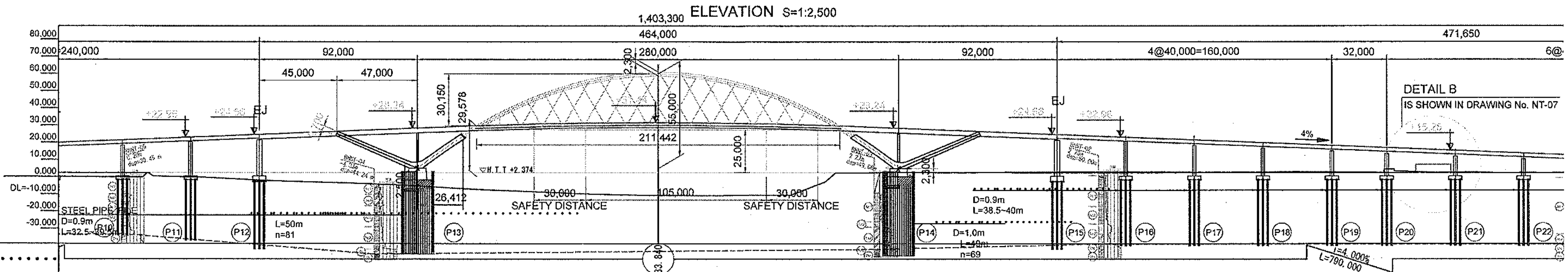

NO. 7	700.000	-0.080	20.440
+20.000	720.000	-0.130	21.240
+40.000	740.000	-0.310	22.040
+60.000	760.000	0.080	22.840
+80.000	780.000	-0.480	23.640
NO. 8	800.000	-1.490	24.440
+20.000	820.000	-2.490	25.240
+40.000	840.000	-3.150	26.040
+60.000	860.000	-3.680	26.840
+80.000	880.000	-4.390	27.640
NO. 9	900.000	-5.280	28.440
+20.000	920.000	-6.550	29.236
+40.000	940.000	-7.540	29.936
+60.000	960.000	-8.340	30.503
+80.000	980.000	-9.160	30.936
NO. 10	1000.000	-9.990	31.236
+20.000	1020.000	-10.560	31.403
+35.000	1035.000	-10.808	31.440
+40.000	1040.000	-10.890	31.436
+60.000	1060.000	-10.950	31.336
+80.000	1080.000	-10.970	31.103
NO. 11	1100.000	-10.690	30.736
+20.000	1120.000	-10.670	30.236
+40.000	1140.000	-2.920	29.603
+60.000	1160.000	2.225	28.840
+80.000	1180.000	2.480	28.040
NO. 12	1200.000	2.520	27.240
+20.000	1220.000	2.420	26.440
+40.000	1240.000	2.580	25.640
+60.000	1260.000	2.730	24.840
+80.000	1280.000	2.780	24.040
NO. 13	1300.000	2.750	23.240
+20.000	1320.000	2.750	22.440
+40.000	1340.000	2.670	21.640
+60.000	1360.000	2.620	20.840
+80.000	1380.000	2.560	20.040
NO. 14	1400.000	2.620	19.240
+20.000	1420.000	2.840	18.440
+40.000	1440.000	2.540	17.640
+60.000	1460.000	2.430	16.840
+80.000	1480.000	3.004	16.040
NO. 15	1500.000	2.530	15.240
+20.000	1520.000	2.592	14.440
+40.000	1540.000	2.190	13.640
+60.000	1560.000	[illegible]	12.840

ELEVATION S=1:2,500

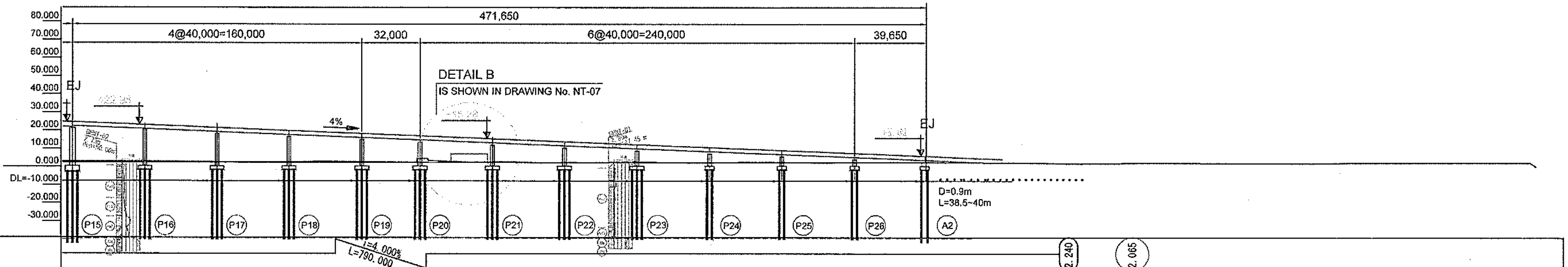

+60.000	1260.000	2.730	24.840
+80.000	1280.000	2.780	24.040
NO.13	1300.000	2.750	23.240
+20.000	1320.000	2.750	22.440
+40.000	1340.000	2.670	21.640
+60.000	1360.000	2.620	20.840
+80.000	1380.000	2.560	20.040
NO.14	1400.000	2.620	19.240
+20.000	1420.000	2.840	18.440
+40.000	1440.000	2.540	17.640
+60.000	1460.000	2.430	16.840
+80.000	1480.000	3.004	16.040
NO.15	1500.000	2.530	15.240
+20.000	1520.000	2.592	14.440
+40.000	1540.000	2.190	13.640
+60.000	1560.000	2.260	12.840
+80.000	1580.000	2.450	12.040
NO.16	1600.000	2.360	11.240
+20.000	1620.000	2.190	10.440
+40.000	1640.000	2.410	9.640
+60.000	1660.000	2.480	8.840
+80.000	1680.000	2.250	8.040
NO.17	1700.000	2.320	7.240
+20.000	1720.000	2.350	6.440
+40.000	1740.000	2.430	5.640
+60.000	1760.000	2.270	4.840
+80.000	1780.000	2.100	4.040
NO.18	1800.000	2.250	3.265
+20.000	1820.000	1.970	2.665
+25.000	1825.000	1.804	2.546
+40.000	1840.000	1.898	2.265
+60.000	1860.000	2.111	2.065
BC 2-0	1865.174	2.140	2.039
+80.000	1880.000	2.120	1.965
NO.19	1900.000	2.090	1.865
+20.000	1920.000	1.960	1.765
+40.000	1940.000	1.950	1.665
+60.000	1960.000	1.810	1.565
+80.000	1980.000	2.140	1.465
NO.20	2000.000	2.140	1.365
EC 2-0	2005.232	2.150	1.339
+20.000	2020.000	2.160	1.265
+40.000	2040.000	2.140	1.165
+60.000	2060.000	2.140	1.065
+80.000	2080.000	2.150	0.965
EP	2083.276	0.030	0.949

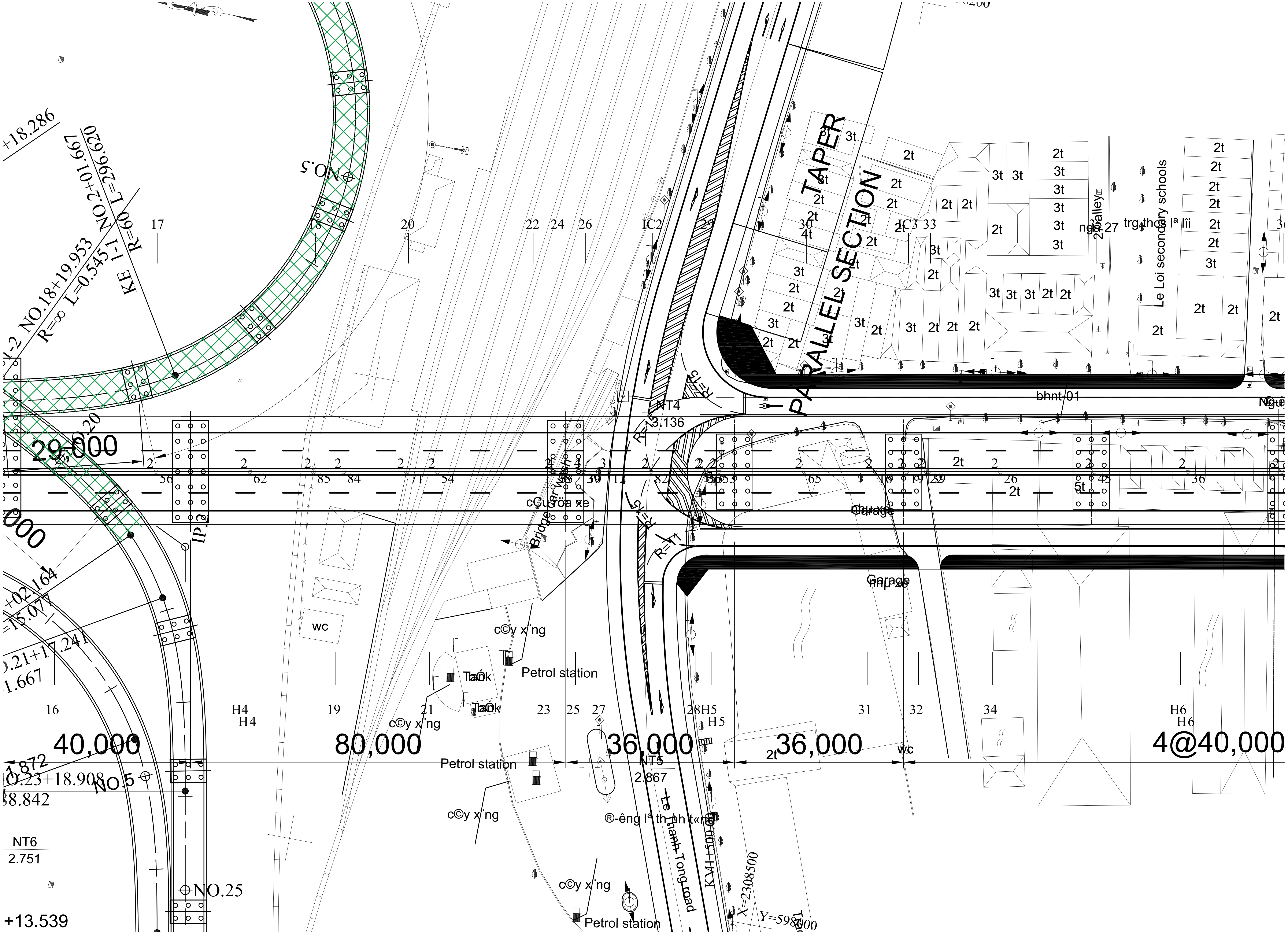

TAPER
PARALLEL SECTION
NO.5
R=60
KE 1-1
NO.18+19.953
R=∞ L=0.545
NO.2+01.667
L=296.620
+18.286
29+000
40,000
80,000
36,000
36,000
4@40,000
NT4
3.136
NT5
2.867
NT6
2.751
NO.25
+13.539
NO.23+18.908
38.842
1.667
Petrol station
Petrol station
Petrol station
Garage
Garage
wc
wc
Bridge
Le Loi secondary schools
alley
Le Thanh Tong road
bhnt-01
IC2
IC3
H4
H5
H6
R=15

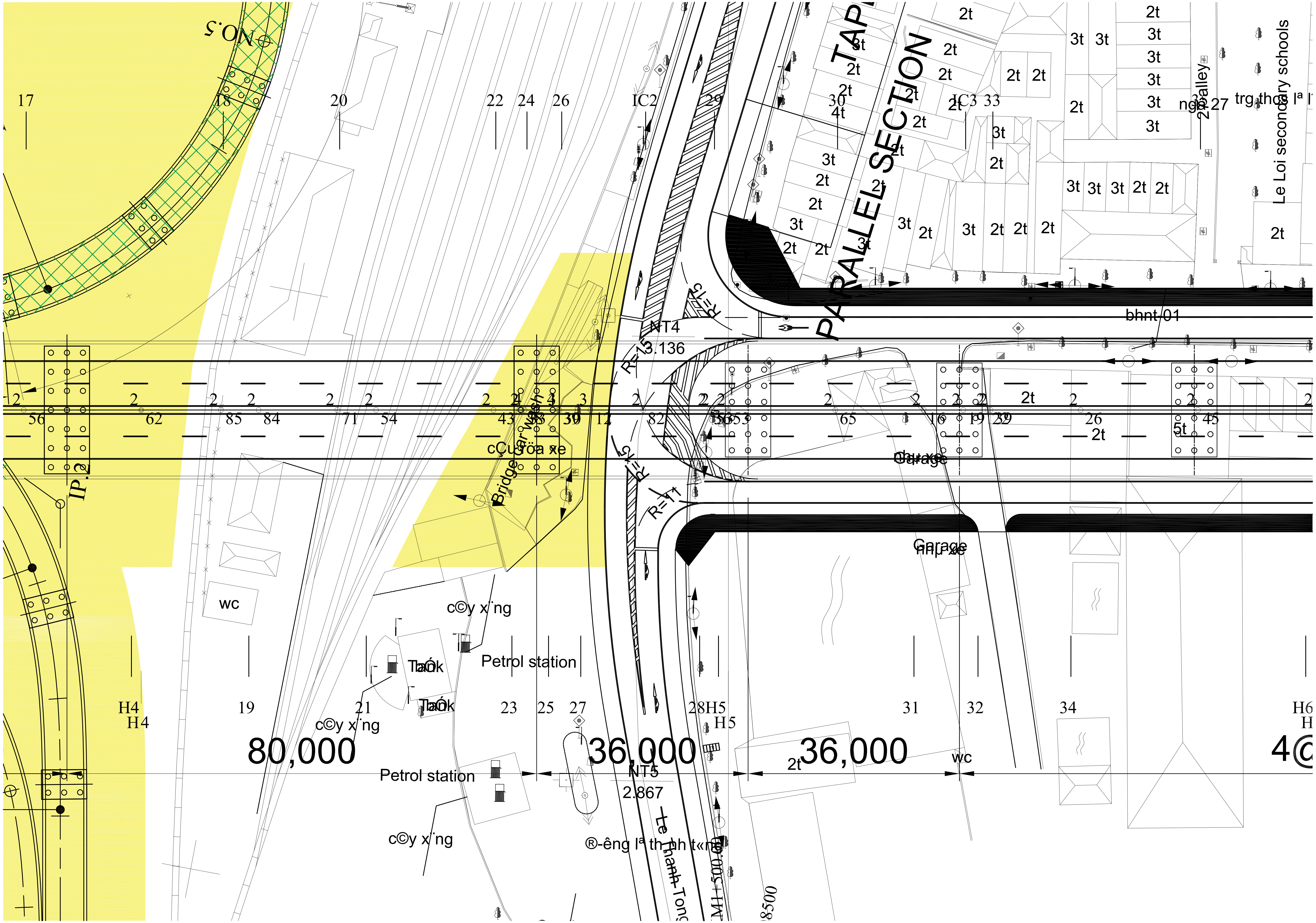

PARALLEL SECTION
Le Loi secondary schools
alley
NO.5
IP.2
NT4
3.136
NT5
2.867
R=15
R=11
bhnt 01
Bridge car wash
Garage
Petrol station
Petrol station
wc
wc
H4
H5
80,000
36,000
36,000

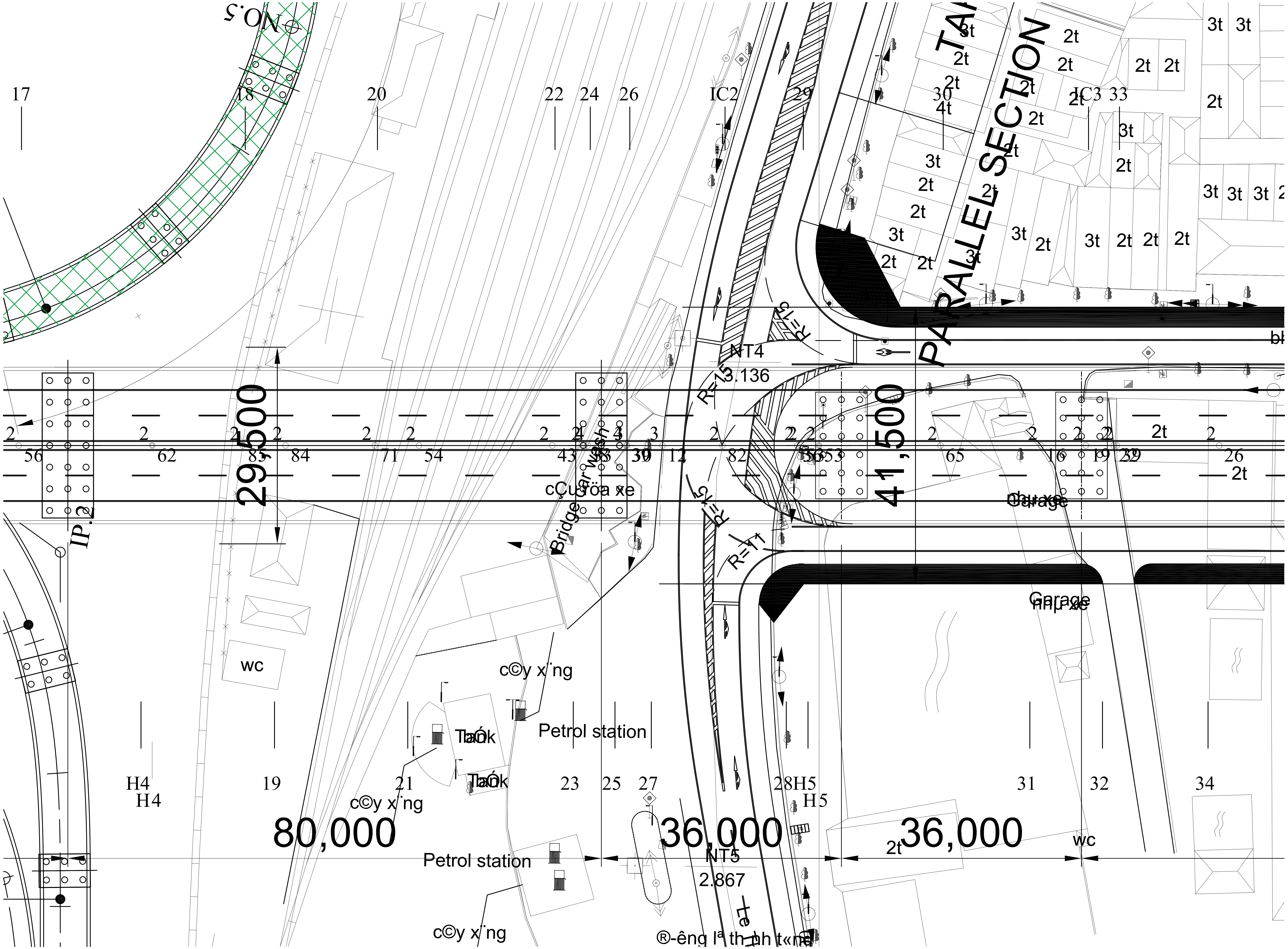

NO.5
17
18
20
22
24
26
IC2
29
30
IC3
33
PARALLEL SECTION
NT4
3.136
R=15
R=15
R=15
R=11
29,500
41,500
IP.2
56
62
85
84
71
54
43
38
39
12
82
65
16
19
29
26
cÇu röa xe
Car wash
Bridge
Garage
nhµ xe
wc
c©y x¨ng
Petrol station
Tank
H4
19
21
23
25
27
28
H5
31
32
34
80,000
36,000
36,000
NT5
2.867
®-êng lª th¸nh t«ng
3t
2t
4t

PHỤ LỤC 3
CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả đo đạc khảo sát chất lượng không khí và vi khí hậu
2. Kết quả đo đạc khảo sát mức ồn
3. Kết quả đo đạc khảo sát độ rung
4. Kết quả khảo sát và phân tích chất lượng nước mặt
5. Kết quả khảo sát và phân tích chất lượng nước ngầm
6. Kết quả khảo sát và phân tích hệ sinh thái

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn.vn

Số:.....812...../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: NT-KK01 (Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi)*
Loại mẫu *: Không khí*
Ngày lấy mẫu *:17/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 01*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	*QCVN 05:2013 /BTNMT*
			6h-8h	8h-10h	10h-12h	12h-14h		
1	Bụi lơ lửng	$\mu g/m^3$	148	169	182	179	TCVN5067:1995	**300**
2	Bụi PM_{10}	$\mu g/m^3$	136	141	154	150	AS/NZS 3580.9.6:2003	-
3	CO	$\mu g/m^3$	2105	1950	2005	1877	SOP-PT.29	**30000**
4	NO_2	$\mu g/m^3$	85	90	96	87	TCVN 6137:2009	**200**
5	SO_2	$\mu g/m^3$	72	75	72	72	TCVN 5971:1995	**350**

Ghi chú:

NT-KK01: Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi (Tọa độ: 20°52'50"N, 106°41'24"E).

Dấu (-): Không quy định

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn.vn

Số:.....813...../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: NT-KK01 (Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi)*
Loại mẫu *: Không khí*
Ngày lấy mẫu *:17/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 01*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	*QCVN 05:2013 /BTNMT*
			14h-16h	16h-18h	18h-20h	20h-22h		
1	Bụi lơ lửng	$\mu g/m^3$	199	155	128	83	TCVN5067:1995	**300**
2	Bụi PM_{10}	$\mu g/m^3$	157	136	113	65	AS/NZS 3580.9.6:2003	-
3	CO	$\mu g/m^3$	1934	2025	1834	1773	SOP-PT.29	**30000**
4	NO_2	$\mu g/m^3$	123	98	92	82	TCVN 6137:2009	**200**
5	SO_2	$\mu g/m^3$	80	75	75	64	TCVN 5971:1995	**350**

Ghi chú:

NT-KK01: Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi (Tọa độ: 20°52'50"N, 106°41'24"E).

Dấu (-): Không quy định

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI * TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM * TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỦY

PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn.vn

Số:.....880...../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: NT-KK2 (Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi)*
Loại mẫu *: Không khí*
Ngày lấy mẫu *:14/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 01*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2013 /BTNMT
			6h-8h	8h-10h	10h-12h	12h-14h		
1	Bụi lơ lửng	$\mu g/m^3$	52	88	100	64	TCVN5067:1995	**300**
2	Bụi PM_{10}	$\mu g/m^3$	48	67	76	44	AS/NZS 3580.9.6:2003	-
3	CO	$\mu g/m^3$	955	984	990	940	SOP-PT.29	**30000**
4	NO_2	$\mu g/m^3$	26	37	34	30	TCVN 6137:2009	**200**
5	SO_2	$\mu g/m^3$	22	26	24	24	TCVN 5971:1995	**350**

Ghi chú:

NT-KK2: Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi

Tọa độ: 20°51'52"N, 106°41'42"E

Dấu (-): Không quy định

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỦY

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn.vn

Số:.....831.../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: NT-KK2 (Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi)*
Loại mẫu *: Không khí*
Ngày lấy mẫu *:14/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 01*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2013 /BTNMT
			14h-16h	16h-18h	18h-20h	20h-22h		
1	Bụi lơ lửng	$\mu g/m^3$	72	96	79	67	TCVN5067:1995	**300**
2	Bụi PM_{10}	$\mu g/m^3$	56	81	62	63	AS/NZS 3580.9.6:2003	-
3	CO	$\mu g/m^3$	970	955	922	903	SOP-PT.29	**30000**
4	NO_2	$\mu g/m^3$	34	32	25	26	TCVN 6137:2009	**200**
5	SO_2	$\mu g/m^3$	28	24	20	20	TCVN 5971:1995	**350**

Ghi chú:

NT-KK2: Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi

Tọa độ: 20°51'52"N, 106°41'42"E

Dấu (-): Không quy định

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC MỨC ỒN

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu: NT-O1
2. Vị trí đo đạc: Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi
3. Tọa độ: 20°52'50"N;106°41'24"E
4. Thời gian đo: Ngày 17/08/2015
5. Đặc điểm: Trời nắng. Dân cư sống tập trung hai bên đường, buôn bán nhỏ lẻ. Giao thông qua lại đông, ùn tắc vào giờ cao điểm, chủ yếu là xe máy và ô tô con.
6. Thiết bị đo: Máy đo ồn tích phân NL-42EX+NX42RT, hãng Rion (Nhật Bản)

Kết quả đo đạc:

TT	Thời điểm bắt đầu đo	Leq (dBA)
1	06h00 - 07h00	69,0
2	07h00 - 08h00	71,4
3	08h00 - 09h00	66,5
4	09h00 - 10h00	66,7
5	10h00 - 11h00	65,5
6	11h00 - 12h00	66,2
7	12h00 - 13h00	66,6
8	13h00 - 14h00	68,0
9	14h00 - 15h00	67,2
10	15h00 - 16h00	69,5
11	16h00 - 17h00	73,8
12	17h00 - 18h00	70,6
13	18h00 - 19h00	68,5
14	19h00 - 20h00	64,3
15	20h00 - 21h00	63,5
16	21h00 – 22h00	64,0
Trung bình ban ngày (06h-21h)		**67,8**
QCVN 26:2010/BTNMT (06h-21h)		**70,0**

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT – CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI * CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯƠNG PHƯƠNG HỢP

Phạm Thanh Hào **Phạm Thế Giang**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC MỨC ỒN

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu: NT-O2
2. Vị trí đo đạc: Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi
3. Tọa độ: 20°51'52"N;106°41'42"E
4. Thời gian đo: Ngày 14/08/2015
5. Đặc điểm: Trời nắng. Xung quanh là ruộng và đất trống. Xe cộ qua lại thưa thớt.
6. Thiết bị đo: Máy INTEGRATING SOUND LEVEL METER TYPE 6226, hãng ACO Co., Ltd (Nhật Bản)

Kết quả đo đạc:

TT	Thời điểm bắt đầu đo	Leq (dBA)
1	06h00 - 07h00	50,9
2	07h00 - 08h00	53,9
3	08h00 - 09h00	59,2
4	09h00 - 10h00	57,7
5	10h00 - 11h00	62,5
6	11h00 - 12h00	59,2
7	12h00 - 13h00	59,3
8	13h00 - 14h00	59,2
9	14h00 - 15h00	60,6
10	15h00 - 16h00	58,6
11	16h00 - 17h00	61,2
12	17h00 - 18h00	60,1
13	18h00 - 19h00	61,0
14	19h00 - 20h00	62,1
15	20h00 - 21h00	58,5
16	21h00 – 22h00	58,5
Trung bình ban ngày (06h-21h)		**58,9**
QCVN 26:2010/BTNMT (06h-21h)		**70,0**

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT – CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP

Trần Phương Lan **Phạm Thế Giang**

K.T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯƠNG PHƯƠNG HỢP

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC MỨC RUNG

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu: NT-R1
2. Vị trí đo đạc: Điểm đầu cầu Nguyễn Trãi
3. Tọa độ: 20°52'50"N;106°41'24"E
4. Thời gian đo: Ngày 17/08/2015
5. Đặc điểm: Trời nắng. Dân cư sống tập trung hai bên đường, buôn bán nhỏ lẻ. Giao thông qua lại đông, ùn tắc vào giờ cao điểm, chủ yếu là xe máy và ô tô con.
6. Thiết bị đo: Máy VIBRATION LEVEL METER VM-1220 E, hãng IMV COPORATION (Nhật Bản)
7. Kết quả đo đạc:

TT	Thời điểm bắt đầu đo	L10
1	06h00 - 07h00	58,0
2	07h00 - 08h00	59,2
3	08h00 - 09h00	58,8
4	09h00 - 10h00	56,9
5	10h00 - 11h00	61,2
6	11h00 - 12h00	63,4
7	12h00 - 13h00	63,1
8	13h00 - 14h00	63,9
9	14h00 - 15h00	65,0
10	15h00 - 16h00	64,2
11	16h00 - 17h00	64,9
12	17h00 - 18h00	61,5
13	18h00 - 19h00	63,0
14	19h00 - 20h00	58,4
15	20h00 - 21h00	58,8
16	21h00 - 22h00	61,9
Trung bình ban ngày (06h-21h)		**61,3**
QCVN 27:2010/BTNMT (6h ÷ 21h)		**70,0**

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT - CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Viết Cao **Phạm Thế Giang**

K.T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯƠNG PHƯƠNG HỢP

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC MỨC RUNG

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu: NT-R2
2. Vị trí đo đạc: Điểm cuối cầu Nguyễn Trãi
3. Tọa độ: 20°51'52"N;106°41'42"E
4. Thời gian đo: Ngày 14/08/2015
5. Đặc điểm: Trời nắng. Xung quanh là ruộng và đất trống. Xe cộ qua lại thưa thớt.
6. Thiết bị đo: Máy đo rung tích phân VM53A (Nhật Bản)
7. Kết quả đo đạc:

TT	Thời điểm bắt đầu đo	L10
1	06h00 - 07h00	51,0
2	07h00 - 08h00	52,4
3	08h00 - 09h00	57,0
4	09h00 - 10h00	57,4
5	10h00 - 11h00	57,2
6	11h00 - 12h00	57,8
7	12h00 - 13h00	58,7
8	13h00 - 14h00	58,0
9	14h00 - 15h00	58,6
10	15h00 - 16h00	55,8
11	16h00 - 17h00	57,1
12	17h00 - 18h00	56,6
13	18h00 - 19h00	53,7
14	19h00 - 20h00	55,4
15	20h00 - 21h00	54,8
16	21h00 - 22h00	56,8
Trung bình ban ngày (06h-21h)		**56,1**
QCVN 27:2010/BTNMT (6h ÷ 21h)		**70,0**

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT - CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Đình **Phạm Thế Giang**

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯƠNG PHƯƠNG HỢP

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu

TT	Vị trí	Ký hiệu	Tọa độ	Thời gian lấy mẫu
1	Thượng lưu cầu Nguyễn Trãi 300m	NT-NM1	20°52'10"N 106°41'25"E	Ngày 18/08/2015
2	Hạ lưu cầu Nguyễn Trãi 300m	NT-NM2	20°52'20"N 106°41'42"E	
3	Thượng lưu cầu Nguyễn Trãi 300m	NT-NM3	20°52'10"N 106°41'29"E	
4	Hạ lưu cầu Nguyễn Trãi 300m	NT-NM4	20°52'22"N 106°41'43"E	
5	Thượng lưu cầu Vũ Yên 300m	VY-NM1	20°51'8"N 106°44'53"E	
6	Hạ lưu cầu Vũ Yên 300m	VY-NM2	20°50'58"N 106°45'21"E	
7	Thượng lưu cầu Vũ Yên 300m	VY-NM3	20°51'5"N 106°44'59"E	
8	Hạ lưu cầu Vũ Yên 300m	VY-NM4	20°50'58"N 106°45'20"E	
9	Sông Kênh Giang	RR-NM1	20°56'32"N 106°40'8"E	
10	Sông giao cắt tuyến tại Km2+480 cũ	RR-NM2	20°56'20"N 106°41'39"E	
11	Sông giao cắt tuyến tại Km6+300 cũ	RR-NM3	20°55'34"N 106°43'32"E	
12	Thượng lưu cầu Ruột Lợn 300m	RR- NM4	20°52'30"N 106°44'29"E	
13	Hạ lưu cầu Ruột Lợn 300m	RR- NM5	20°52'42"N 106°44'48"E	

2. Phương pháp đo đạc chất lượng nước mặt

TT	Thông số	Phương pháp
1	Nhiệt độ, pH, DO	Đo trực tiếp bằng máy TOA WQC – 22A

3. Kết quả đo đạc chất lượng nước mặt

TT	Ký hiệu	Thông số		
		pH	Nhiệt độ	DO
		-	^0C	*mg/l*
1	NT-NM1	7,3	30,5	4
2	NT-NM2	7,1	30,1	5
3	NT-NM3	7,3	31,2	5
4	NT-NM4	7,2	30,8	5
5	VY-NM1	7,3	30,6	5
6	VY-NM2	7,3	30,7	4
7	VY-NM3	7,4	31,1	4
8	VY-NM4	7,3	30,9	4
9	RR-NM1	7,1	31,2	2
10	RR-NM2	7,0	31,4	2
11	RR-NM3	6,9	30,9	3
12	RR- NM4	7,1	30,7	4
13	RR- NM5	7,3	30,8	4

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT – CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI CTCP

Ngô Thị Thanh Hòa **Phạm Thế Giang**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TRUNG HỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn,vn

Số:.....834...../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: Khu vực dự án*
Loại mẫu *: Nước mặt*
Ngày lấy mẫu *: 18/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 04*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2008/ BTNMT (cột B2)
			NT-NM1	NT-NM2	NT-NM3	NT-NM4		
1	BOD_5	mg/L	10	6	9	5	SMEWW 5210 (D):2012	**25**
2	SS	mg/L	3	3	4	4	SMEWW 2540 (D):2012	**100**
3	Coliform	MPN/ 100mL	1000	800	900	700	TCVN 6187-1:2009	**10000**

Ghi chú:

**** Tại thời điểm triều lên:***

NT-NM1: Nước mặt khu vực thượng lưu cầu Nguyễn Trãi 300m

Tọa độ: 20°52'10"N, 106°41'25"E,

NT-NM2: Nước mặt khu vực hạ lưu cầu Nguyễn Trãi 300 m

Tọa độ: 20°52'20"N, 106°41'42"E,

**** Tại thời điểm triều xuống:***

NT-NM3: Nước mặt khu vực thượng lưu cầu Nguyễn Trãi 300m

Tọa độ: 20°52'10"N, 106°41'29"E,

NT-NM4: Nước mặt khu vực hạ lưu cầu Nguyễn Trãi 300 m

Tọa độ: 20°52'22"N, 106°41'43"E.

QCVN 08:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B2 áp dụng cho mục đích giao thông thuỷ và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP.QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC CHẤT LƯỢNG NƯỚC NGẦM

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

1. Ký hiệu mẫu

Vị trí	Kí hiệu	Tọa độ	Thời gian lấy mẫu
Giếng nước phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	NT-NN1	21°51'50''N 106°41'49"E	Ngày 19/08/2015
Nước công trường tại khu vực đường 356	VY-NN1	20°50'36"N 106°44'14"E	
Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, tp. Hải Phòng	RR-NN1	20°56'31"N 106°40'25"E	
Xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, tp. Hải Phòng	RR-NN2	20°56'12"N 106°42'11"E	
Thôn Trung Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, tp. Hải Phòng	RR-NN3	20°56'14"N 106°43'17"E	
Thôn Bảo Kiếm, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên,tp. Hải Phòng	RR-NN4	20°54'16"N 106°44'8"E	

2. Phương pháp đo đạc chất lượng nước ngầm

TT	Thông số	Phương pháp
1	Nhiệt độ, pH, độ dẫn điện	Đo trực tiếp bằng máy TOA WQC – 22A

3. Kết quả đo đạc chất lượng nước ngầm

TT	1	2	3
Thông số	pH	Nhiệt độ	Độ dẫn điện
	-	^{0}C	ms/m
Nn1	6,7	23,4	28
Nn2	6,7	27,2	28
Nn3	6,9	23,8	29

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG

TT	1	2	3
Thông số	pH	Nhiệt độ	Độ dẫn điện
	-	^{0}C	ms/m
Nn4	6,7	25,4	29
Nn5	6,8	20,9	27
Nn6	6,7	22,7	28

NGƯỜI THỰC HIỆN **NGƯỜI KIỂM TRA** **TỔNG CÔNG TY TVTK GTVT – CTCP**

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI CTCP

Ngô Thị Thanh Hòa **Phạm Thế Giang**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TRUNG HỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỶ
Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3828803; Fax: 031.3736311; Email: tcep@vnn.vn

Số:...832...../2015/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng *: Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải*
Vị trí lấy mẫu *: Khu vực dự án*
Loại mẫu *: Nước ngầm*
Ngày lấy mẫu *: 19/8/2015*
Số vị trí lấy mẫu *: 03*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	QCVN 09:2008/ BTNMT
			NT-NN1	VY-NN1	RR-NN1		
1	BOD_5	mg/L	4	5	4	SMEWW 5210 (D):2012	-
2	Coliform	MPN /100mL	KPH	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2009	**3**

Ghi chú:

NT-NN1: Giếng khoan tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng - khu dân cư tại khu vực đường Nguyễn Trãi, (Tọa độ: 21°51'50''N, 106°41'49"E).

VY-NN1: Nước tại công trường khu vực đường 356- Khu dân cư tại khu vực đường 356, Tọa độ: 20°50'36"N, 106°44'14"E

RR-NN1: Giếng khoan nhà ông Lê Văn Toàn, xóm 8, Hà Luận, Thủy Nguyên, Hải Phòng Khu dân cư tại vị trí tuyến vành đai 3(giao cắt với quốc lộ 10).

Tọa độ: 20°56'27"N, 106°40'30"E.

Dấu '-': Không quy định.

KPH : Không phát hiện

QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

TP, QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN QLMT

Phạm Thị Dương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Anh Tuấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được sao chép từng phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TCEP.
3.Các thông số in nghiêng thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Bảng 1. Danh sách thực vật khu vực vùng dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

Các loài cây ngập mặn

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	**Tên Việt Nam**			
	Pteridophyta	Ngành Dương xỉ			
	Pteridaceae	Họ Chân xỉ			
1	*Acromstichum aureum* L.	Ráng biển	H	3, 4	4, 5, 7
	Acanthaceae	Họ Ô rô			
2	*Acanthus ilicifolius* L.	Ô rô	C	2, 3, 8	1, 5, 7
	Aizoaceae	Họ Rau đắng đất			
3	*Sesuvium portulacastrum* L.	Sam biển	C	3	1, 3, 7
	Avicennia	Họ Mắm			
4	*Avicennia marina* (Forsk) Veirh	Mắm biển	G	2, 8	3, 5,7
	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu			
5	*Excoecaria agallocha* L.	Giá	G	3, 4,5	5, 7
	Myrsinaceae	Họ Đơn nem			
6	*Aegiceras corniculatum* (L) Blanco	Sú	G	1, 2, 3	1, 4, 5
	Rhizophoraceae	Họ Đước			
7	*Bruguiera gymnorrhiza* (L.) Lam	Vẹt dù	G	2, 3, 8	2, 5
8	*Kandelia obovata* Sheue Liu &Yong	Trang	G	2,8	2, 3, 5
9	*Rhizophora stylosa* Griff.	Đước vòi (đưng)	G	2,3	2, 5
	Sonneratiaceae	Họ Bần			
10	*Sonneratia caseolaris* (L.) Engl.	Bần chua	G	2, 8	1,2,4,5

Các loài cây tham gia rừng ngập mặn

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	**Tên Việt Nam**			
	Angiospermae	Ngành Hạt kín			
	Dicotyledoneae	Lớp Hai lá mầm			
	Annonaceae	Họ Na			
11	*Annona glabra* L.	Na biển	G	3, 4	1, 2, 5
	Apocynaceae	Họ Trúc đào			
12	*Cerbera odollam* Gaertn.	Mướp xác	G	4	1
	Asteraceae	Cúc			
13	*Pluchea pteropoda* Hemsl.	Sài hồ nam	C	4, 5	1
14	*Wedelia biflora* (L.) DC.	Cúc hai hoa	C	4	1, 7
	Caesalpiniaceae	Họ Vang			
15	*Caesalpinia bonduc* (L.) Roxb.	Móc hùm	L	3, 4	1
	Chenopodiaceae	Họ Rau muối			
16	*Suaeda marintima* (L.) Dum	Rau muối biển	C	3	1,3
	Convovulaceae	Họ Khoai lang			
17	*Ipomoea pes-caprae* (L.) Br.	Muống biển	L	3,4,5,6	1, 4
	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu			
18	*Sauropus bacciformis* (L) Airy-Shaw	Bồ ngót quả phì	C	4, 5	
	Fabaceae	Họ Đậu			

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
19	*Alysicarpus vaginalis* (L.) A.P. de Cand	Hàn the	C	4,5	1
20	*Canavalia lineata* (Thumb.) DC.	Đậu đao biển	L	3,4	1
	Goodeniaceae	Họ Hếp			
21	*Scaevola taccada* (Gaentn.) Roxb.	Hếp	B	3, 4, 5	1
22	*Canavalia otusifolia* (L.) DC.	Đậu cộ	L	4	1
23	*Deris trifoliata* Lour.	Cốc kèn	L	2,3,4	1, 7
	Malvaceae	Họ Bông			
24	*Hibiscus tilliaceus* L.	Tra làm chiếu	G	3, 4, 5	1
25	*Thespesis populea* (L.) Soland ex. Cor.	Tra lâm vồ	G	3, 4,5	1, 2
	Myoporaceae	Họ Bách sao			
26	*Myoporum biontoides* A. Gray.	bách sao	B	3, 4, 5	
	Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa			
27	*Clerodendron inerme* (L.) Gaertn.	Ngọc nữ biển (vạng hôi)	B	2, 4, 5	1
28	*Premna integrifolia* L.	Vọng cách	G	4	1, 2, 3
29	*Vitex rotundifolia* L.	Quan âm	B	5, 6	1
30	*Vitex trifolia* var *trifolia* L.	Từ bi ba lá	B	3, 4, 5	1
	Monocotyledoneae	Lớp Một lá mầm			
	Amaryllidaceae	Họ Náng			
31	*Crinum asiaticum* L.	Náng hoa trắng	C	3,4,5	1, 6
	Cyperaceae	Họ Cói			
32	*Cyperus malaccensis* Lamk	Cói, lác	C	2,3,8	1
33	*Scirpus kimsonensis* K.Khoi	Cỏ ngạn	C	1,2	4
	Pandanaceae	Họ Dứa dại			
34	*Pandanus odoratissiumus* L.	Dứa dại biển	B	4,5	1, 2, 5, 7
	Poaeceae	Họ Lúa			
35	*Cynodon dactylon* (L.) Pers.	Cỏ gà	C	1,3,4, 5	4
36	*Paspalum vaginatum* Sw.	Cỏ san sát	C	1	4
37	*Phragmites australis* (Cav.) Trin	Sậy nam	C	2, 3,8	1, 5
38	*Phragmites vallatoria* (L.) Veldk..	Sậy	C	2, 3, 8	2, 5
39	*Sporobolus virginicus* (L.) Kunth	Cỏ cáy	C	1, 3, 5	4

Các loài thực vật có mặt tại khu vực

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
	Pteridophyta	Ngành Dương xỉ			
	Marsileaceae	Họ Rau bợ			
40	*Marsilea quadrifolia* L.	Rau bợ	T	7	4
	Pteridaceae	Họ Chân xỉ			
41	*Pteris ensiformis* Burm .f.	Ráng chân xỉ hình gươm	H	4	
42	*Pteris semipinnata* L.	Ráng chân xỉ lược	H	4	
43	*Pteris vittata* L.	Chân xỉ có xọc	H	4	
	Oleadraceae	Họ Ráng lá chuối			
44	*Nephrolepis cordifolia* (L.) C.	Ráng xương rắn	H	4	
	Schizeaceae	Họ Bòng bong			
45	*Schizea dichotoma* (L.) J.E Sm.	Bòng bong	H	3, 4	1
	Dennstaedtiaceae	Họ Ráng đăng tiết			
46	*Pteridum aquilinum* (L.) Kuhn	Ráng cánh to	H	4	

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	**Tên Việt Nam**			
	Angiospermae	Ngành Hạt kín			
	Dicotyledoneae	Lớp Hai lá mầm			
	Acanthaceae	Họ Ô rô			
47	*Gendarussa vulgaris* Burmf.	Thanh táo	C	4	1
48	*Ruellia tuberosa* L.	Quả nổ	C	3, 4, 5	1
	Anacardiaceae	Họ Đào lộn hột			
49	*Dracontomelon duperreanum* Pierre.	Sấu	G	3	3
	Aizoaceae	Họ Rau đắng đất			
50	*Gisekia pharmacoides* L.	Cỏ lết	C	2, 5	1
51	*Glinus oppositifolius* L.Dc.	Rau đắng	C	3,4	1
	Amaranthaceae	Họ Rau dền			
52	*Achyrathes aspera* L.	Cỏ xước	C	3, 4, 5	1, 3
53	*Alternanthera sessilis* L. DC.	Rau rệu	C	3, 4, 5	1, 3
	Apiaceae	Họ Hoa tán			
54	*Centella asiatica* (L.) Urb.	Rau má	C	4	1, 3
55	*Centella* sp	Rau má	C	4	1,3
56	*Cnidium monnieri* (L.) Cuss.	Giần sàng	C	4	1
57	*Hydrocotyle sibthorpioides* Lam.	Rau má lá mơ	C	4	1, 3
58	*Hydrocotyle wilfordii* Maxim.	Rau má	C	4	
	Apocynaceae	Họ Trúc đào			
59	*Catharanthus roseus* (L.) Syst.	Dừa cạn	C	4	1
	Araliaceae	Họ Ngũ gia bì			
60	*Polyscias fruticosa* (L) Harms.	Đinh lăng	B	3	1,6
	Asclepiadaceae	Họ Thiên lý			
61	*Calotropis gigantea* (L.) Dryand	Bồng bồng	B	4	1, 6
62	*Finlaysonia* sp.	Thiên lý dại	L	4	
63	*Pentatropis pierra* Cost.	Ngũ hương	L	3, 4	
	Asteraceae	Họ Cúc			
64	*Ageratum conyzoides* L.	Cứt lợn	C	3, 4	1
65	*Artemisia vulgaris* L.	Ngải cứu	C	4	1
66	*Bidens pilosa* L.	Đơn buốt	C	3, 4, 5	1
67	*Blumea balsamifera* (L.) DC.	Từ bi xanh	C	4	1
68	*Conyza canadense* (L.) Cromq	Thượng lão	C	4,5	1
69	*Eclipta alba*(L.) Hassk.	Nhọ nồi	C	3, 4	1
70	*Emilia sonchifolia* (L.) DC.	Mặt trời	C	4	1
71	*Eupatorium odoratum* L.	Cỏ lào	C	4	7
72	*Lactuca indica* L.	Bồ công anh	C	4	1
73	*Launaea sarmetosa* (Willd.) Kuntzc	Sa sâm Việt	C	5,6	1
74	*Parthenium hysterophorus* L.	Cúc liên chi dại	C	3, 4, 5	1
75	*Pluchea indica* (L.) Lees	Cúc tần	L	4	1
76	*Vernonia patula* (Dryand.) Merr.	Bạc đầu nhỏ	C	3, 4	1
77	*Wedelia prostrata* (H & A.) Hemsl.	Lỗ địa cúc	C	4	1
78	*Xanthium inaequilaterum* DC./ *trumarium* L.	Ké đầu ngựa/sài đất bụi	C	3, 4	1
	Boraginaceae	Họ Vòi voi			
79	*Heliotroipium indicum* L.	Vòi voi	C	3, 4	1
	Caesalpiniaceae	Họ Vang			
80	*Cassia occidentalis* L.	Muồng lá khế	B	4	1

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
81	*Cassia tora* L.	Thảo quyết minh	C	4	1
	Capparaceae	Họ Màn màn			
82	*Cleome gynandra* L.	Màng màng trắng	C	4	3
	Caricaceae	Họ Đu đủ			
83	*Carica papaya* L.	Đu đủ	H	3	3
	Casuarinaceae	Họ Phi lao			
84	*Casuarina equisetifolia* J. R. et J.G.	Phi lao	G	4, 5	2, 5
	Ceratophyllaceae	Họ Kim ngư			
85	*Ceratophyllum demersum*L.	Kim ngư/rong đuôi chồn	T	8	1
	Chenopodiaceae	Họ Rau muối			
86	*Chenopodium ambrosioides* L.	Dầu giun	C	4	1
87	*Chenopodium filifolium* Smith L.	Rau muối	C	3, 4	1, 3
	Combretaceae	Họ Bàng			
88	*Quisqualis indica* L.	Dây giun	C	4	1
89	*Terminalia catappa* L.	Bàng	G	3, 4	1
	Convovulaceae	Họ Khoai lang			
90	*Ipomoea obscura* L. Ker –Gawl	Bìm mờ	L	4	
91	*Ipomoea aquatica* Forsk	Rau muống	C	7	3
	Cucurbitaceae	Họ Bầu bí			
92	*Coccinia grandis* (L.) Voigt	Bát	L	4	
93	*Zehneria indica* Keyr.	Chùm thắng	L	4	
	Cuscutaceae	Họ Tơ hồng			
94	*Cuscuta chinensis* Lam.	Dây tơ hồng	K	4	1
	Dioscoreaceae	Họ Củ nâu			
95	*Dioscorea esculenta* L.	Củ từ (khoai từ)	L	3	3
	Elaeocarpaceae	Họ Côm			
96	*Muntingia culabura* L.	Trứng cá	G	3, 4	1, 6
	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu			
97	*Acalypha australis* L.	Tai tượng úc	C	3	1
98	*Breynia fruticosa* (L.) Hook.	Bồ cu vẽ	C	4	1
99	*Euphorbia hirta* L.	Cỏ sữa lá lớn	C	4	1
100	*Euphorbia indica* Lamk.	Cỏ sữa ấn	C	4	
101	*Euphorbia thymifolia* L.	Cỏ sữa lá nhỏ	C	4	1, 4
102	*Phyllanthus unrinaria* L.	Chó đẻ	C	4	1
103	*Ricinus communis* L.	Thầu dầu	B	4	1
104	*Microstachys chamaelea* (L.) Esser.	Thuốc lậu	C	5	1
	Fabaceae	Họ Đậu			
105	*Crotalaria pallida* Aiton.	Sục sặc	B	4	1, 2
106	*Desmodium heterophyllum* (Willd) DC.	Tràng quả dị quả	C	4	1
107	*Desmodium triflorum* (L.) DC.	Tràng quả ba hoa	C	3,4	1
108	*Indigofera suffruticosa* Mill	Chàm bụi	C	4	1
109	*Sphora japonica* L.	Hòe	G	3, 4	1, 2
110	*Delonix regia* (Hook.) Raf.	Phượng vĩ	G	4	2
111	*Acasia magnum* Willd.	Keo tai tượng	G	4	2
112	*Acacia auriculaeformis*	Keo lá tràm	G	4	2
	Haloragaceae	Họ Rong đuôi chồn			
113	*Myriophyllum dicoccum* F. Muell.	Rong xương cá	T	7	
	Lamiaceae	Họ Húng			

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
114	*Leonurus artemisia* (Lour.) S.Y. Hu	ích mẫu	C	4	1
115	*Leucas ciliata* Benth	Bạch thiệt lông	C	4	
116	*Mentha aquatica* L.	Húng lũi	C	3,4	1, 3
117	*Ocinum gratissimum* L.	Hương nhu trắng	B	4	1
118	*Ocinum tenuiflorum* L.	Hương nhu tía	B	4	1
119	*Prunella vulgalis* L.	Khô thảo	C	4	1
	Malvaceae	Họ Bông			
120	*Abelmoschus moschatus* (L.) Medik	Vông vang	C	4	1
121	*Abutilon indicum* (Torner) Sweet	Cối xay	B	4	1
122	*Malvastrum coromandelianum* (L.)	Hoàng manh	C	4	1
123	*Sida rhombifolia* L.	Ké hoa vàng	C	4	1
124	*Urena lobata* L.	Ké hoa đào	L	4	1
	Meliaceae	Họ Xoan			
125	*Aglaia duperreana* Pierre..	Ngâu	B	1	3
126	*Melia azedarach* L.	Xoan	G	4	2
127	*Khaya seneganensis* (Desr.)	Xà cừ	G	4	2
	Mimosaceae	Họ Trinh nữ			
128	*Leucaena leucocephala* (Lamk.) De Wit	Keo dậu/bọ chét	G	4	1
129	*Mimosa diplotricha* C. Wri. ex Sau.	Trinh nữ gai	B	3, 4,	
130	*Minosa pudica* L.	Xấu hổ	C	3, 4	1
	Moraceae	Họ Dâu tằm			
131	*Ficus benjamica* L.	Sy	G	4	2, 6
132	*Ficus elastica* Roxb.	Đa	G	4	2
133	*Ficus glomerata* Roxb.	Sung	G	4	2
134	*Ficus religiosa* L.	Đề	G	4	2
135	*Streblus asper* (Retz.) Lour.	Ruối	G	4	2
136	*Morus alba* L.,Sp	Dâu tằm	B	4	2
137	*Artocarpus heterophyllus*	Mít	G	4	2
	Myrsinaceae	Họ Đơn nem			
138	*Maesa indica* A. DL	Đồng răng cưa	B	4	1, 3
	Myrtaceae	Họ Sim			
139	*Eucalyptus camphora* R.T. Baker	Bạch đàn trắng	G	4	2
140	*Eucalyptus exserta* F.V.Muell	Bạch đàn lá liễu	G	4	2
141	*Cleistocalyx operculatus* (Roxb.)Merr.	Vối	G	3	1
	Oxalidaceae	Họ Chua me			
142	*Oxalis corniculatum* L.	Chua me đất hoa vàng	C	4	1, 3
143	*Oxalis corymbosa* A. DC.	Chua me đất hoa hồng	C	4	1, 3
	Plantaginaceae	Họ Mã đề			
144	*Plantago major*	Mã đề	C	4	1
	Polygonaceae	Họ Rau răm			
145	*Polygonum chinense* L.	Thồm lồm, mía giò	L	4	1
146	*Rumex marintimus* L.	Chút chít	C	3,4,	1
	Portulacaceae	Họ Rau sam			
147	*Portulaca oleracea* L.	Rau sam	C	3, 4, 5,	1, 3
	Rhamnaeceae	Họ Táo ta			
148	*Zizyphus oenoplia*(L.) Mill.	Táo dại	G	3, 4, 5	
	Rubiaceae	Họ Cà phê			
149	*Hedyotis biflora* (L.) Lam	An điền hai hoa	C	4	1

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
150	*Hedyotis corymbosa* (L.) Lam	Cóc mẫn	C	4	1
151	*Hedyotis hirsutula* (L.f) Spreng	An điền phún	C	4	
152	*Paelderia scandens* (Lour.) Fl.	Mơ lông	L	4	1, 3
	Rutaceae	Họ cam			
153	*Citrus grandis* (L.) Osb.	Bưởi	B	3	3
154	*Citrus limonia* Osb.	Chanh	B	3	3
155	*Citrus sinensis* Osb.	Cam	B	3	3
	Sapindaceae	Họ Bồ hòn			
156	*Cadiospermum halicacabum* L.	Tầm phỏng	L	4	
	Scrophulariaceae	Họ Hoa mõm sói			
157	*Scoparia ducis* L.	Cam thảo nam	C	4	1
	Solanaceae	Họ Cà			
158	*Datura metel*L.	Cà độc dược	B	4	1
159	*Physalis angulata* L.	Tầm bóp	C	4	3
160	*Solanum nigrum* L.	Lù lù đực	C	4, 5	1
161	*Solanum capsicoides Allioni*	Cà gai quả đỏ	C	4	
162	*Solanum virginianum* L.	Cà quả vàng	C	4	1
163	*Solanum procumbens* Lour.	Cà gai leo	C	4	1
164	*Solanum torvum* Swartz.	Cà pháo dại	C	4	1
	Thymaeleaceae	Họ Trầm hương			
165	*Wikstroemia indica* (L.) C.A. Mey.	Gió miết	B	4	1, 7
	Urticaceae	Họ Gai			
166	*Pouzolzia zeylanica* (L.) Benn	Bọ mắm	C	4	1, 7
	Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa			
167	*Clerodendron chinenise* (Osb.) Mabb	Ngọc nữ thơm	B	4	1
168	*Clerodendron cyrtophyllym* Turcz.	Bọ mẩy, bọ nẹt	B	4	1
169	*Clerodendron fortunatum* L.	Bọ nhảy đỏ	B	4	
170	*Clerodendron fragrans* Vent	Bạch đồng nữ	B	4	1
171	*Clerodendrum kaempferi* (Jacq) Sieb. ex Hassk.	Xích đồng nam	B	4,	1
172	*Lantana camara* L.	Thơm ổi	B	4	1
173	*Phyla nodyflora* (L.) Greene	Dây lức	C	3, 4, 5	1
174	*Stachytarpheta jamaicensis* (L.) Vahl	Cỏ đuôi chuột	C	4,	
175	*Verbena officinalis* L.	Cỏ roi ngựa	C	4	1
	Vitaceae	Họ Nho			
176	*Ampelopsis heterophylla* Sieb.	Nho dại	L	4	
177	*Cissus modeccoides* Pl.	Chìa vôi	L	4	1
	Monocotyledoneae	Lớp Một lá mầm			
	Arecaceae	Họ Cau dừa			
178	*Cocos nucifera* L.	Dừa	H	4	1, 3, 7
179	*Areca catechu* L.	Cau	H	4	1, 3, 7
	Araceae	Họ ráy			
180	*Alocasia macrorrhiza* (L.) G.Don.	Ráy	C	7	3,7
181	*Pistia stratiotes* L.	Bèo cái	C	7	7
	Commelinaceae	Họ Thài lài			
182	*Commelina bengalensis* L.	Trai ấn	C	4, 5,	1
	Cyperaceae	Họ Cói			
183	*Cyperus difformis* L.	Cỏ chao/tò tỵ	C	2, 3	4

TT	Taxon		Dạng sống	Nơi sống	Công dụng
	Tên khoa học	Tên Việt Nam			
184	*Cyperus distans* I.F	Cói bông cách/ u dụ thưa	C	2,3	4
185	*Cyperus involucratus* Poiret.	Thủy trúc	C	4	6
186	*Cyperus pygmaeus* Rottb.	Cói lùn	C	2,3,8	
187	*Cyperus radians var. Griffithiii* (Stend.) Kud.		4	C	
188	*Cyperus rotundus* L.	Hương phụ	C	4,5	1
189	*Cyperus sphacelatus* Rottb.	U du phù/kẹ	C	4	4
190	*Cyperus stononiferus* Vahl.	Cú biển	C	2,3,5,6	1
191	*Eleocharis atropurpura* (Retz.) Kun.	Năng đỏ tía	C	3	
192	*Eleocharis congesta* R.Br.	Năn phù	C	3	4
193	*Eleocharis dulcis* (Burm.f.) Hensel.	Cỏ năn	C	3	
194	*Fimbristylis dichotoma* (L.) Vahl	Cỏ quăm nhân đôi	C	3	4
195	*Fimbristylis lasiophylla*Kern.	Cói lông bóng	C	4	
196	*Fimbristylis polytrioides* (Retz.) vahl.	Mao thư nhiều râu	C	3,4	4
197	*Kyllinga brevifolia* Rottb.	Cỏ bạc đầu	C	3,4	1
	Hydrocharitaceae	Họ Thủy thảo			
198	*Hydrilla verticillata* (L.f.) Royle	Rong đuôi chó	C	7	4
	Musaceae	193 - Họ chuối			
199	*Musa paradisiaca* L.	Chuối	C	3	3
	Pontedericeae	Họ bèo tây			
200	*Eichhornia crassipes* (Maret.) Solm.	Bèo nhật bản	C	7	
	Pandanaceae	Họ Dứa dại			
201	*Pandanus tonkinensis Mart. ex Stone*	Dứa dại	B	4,5	
	Poaceeae	Họ Lúa			
202	*Bambusa spinosa* Roxb.	Tre gai	H	3	7
203	*Bambusa stenostachya* Hack.	Tre lá ngắn, tre nhà	H	3	7
204	*Oryza sativa* L.	Lúa	C	7	3
205	*Zea mays*	Ngô	C	3	3
206	*Axonopus compressus* (Sw.) P. Beauv.	Cỏ lá gừng	C	4	4
207	*Chloris barbata* (L.) Sw.	Cỏ mật lông	C	5,6	4
208	*Chrysopogon acicultus* (Retz.) Trin	Cỏ may	C	4	1
209	*Dactyloctenium aegyptiacum* (L.) Wi.	Cỏ chân gà	C	4	1
210	*Digitaria ciliaris*(Retz.) Koel.	Chân nhện	C	4	4
211	*Digitaria setigera* Ro. ex Roem &Sch	Chân nhện tơ	C	4,	4
212	*Eleusine indica* (L.) Gaertn.	Cỏ mần trầu	C	4,	1, 4
213	*Eustachys tener* (Presl) Cam.	Lục mảnh	C	4, 5	4
214	*Imperata cylindrica* (L.) P. Beauv.	Cỏ tranh	C	3, 4, 5	1
215	*Ischaemum muticum* L.	Cỏ mồm trụi	C	5, 6	4
216	*Panicum repens* L.	Cỏ gừng	C	4	1, 4
217	*Paspalum commersonii* Lamk.	Cỏ trứng	C	3, 4,	4
218	*Paspalum paspaloides* (Michx.) Scri.	Cỏ chác/ san nước	C	3,4	4
219	*Setaria parviflora* (Poir) Kuergelen	Cỏ đuôi chồn	C	3, 4	4
220	*Setaria sphacelata* (schumach.) Stapf et Hubb	Cỏ sâu róm vàng	C	4	4
221	*Spinifex littoreus* (Burm.f.) Merr.	Cỏ lông chông	C	5,6	1
	Zingiberaceae	Họ riềng			
222	*Alpinia officinarum* Hance.	Riềng	C	3	1,3
223	*Curcuma domestica* Val.	Nghệ	C	3	1,3
224	*Zingiber officinale* Roscoe	Gừng	C	3	1,3

Chú giải: Các ký hiệu về dạng sống, công dụng, và nơi sống

Dạng sống		Công dụng		Nơi sống	
G -	*Thân gỗ*	*1 -*	*Nhóm cây làm thuốc*	*1 -*	*Các bãi bùn đang hình thành, phần lớn thời gian ngập nước khi nổi lên còn chịu nhiều tác động của sóng biển*
B-	*Thân bụi*	*2 -*	*Nhóm cây cho gỗ, củi*	*2 -*	*Vùng nơi đất ngập triều, tự nhiên đầy đặn*
C -	*Thân cỏ bò, đứng hay có thân ngầm*	*3 -*	*Nhóm cây ăn được*	*3 -*	*Vùng đất cao, khu dân cư hay ven bờ đầm, nơi không chịu hoặc ít chịu tác động của thủy triều*
H -	*Các dạng khác: dạng cau dừa, tre, thân cột*	*4 -*	*Nhóm cây làm thức ăn cho gia súc*	*4 -*	*Vùng đất cao nhiễm mặn hay ven đê nơi không chịu hay chỉ chịu tác động của triều cường*
		5 -	*Nhóm cây bảo vệ đê và chắn sóng, gió, xói mòn đất*	*5 -*	*Cồn cát trồng phi lao*
		6 -	*Nhóm cây trồng làm cảnh*	*6 -*	*Bãi cát cao, di động chịu tác động của sóng*
		7 -	*Nhóm cây có công dụng khác: cho sợi, làm đồ thủ công mỹ nghệ, nuôi ong ...*	*7 -*	*Vùng đất ngập triều đầy đặn tự nhiên ở ven các lạch sông sâu*
				8 -	*Trong các đầm nuôi trồng thủy sản*

Bảng 2. Danh sách các loài chim vùng dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	SĐVN 2007
	I. Bộ Chim Lặn	Podicipediformes	
	1. Họ Chim lặn	Podicipedidae	
1	Le hôi	*Tachybaptus ruficollis*	
	II. Bộ Hạc	Ciconiformes	
	2. Họ Hạc	Ciconidae	
2	Diệc xám	*Ardea cinerea*	
3	Diệc lửa	*Ardea purpurea*	
4	Cò bợ	*Ardeola bacchus*	
5	Cò trắng	*Egretta garzetta*	
6	Cò ngàng lớn	*Egretta alba*	
7	Cò ngàng nhỏ	*Egretta intermedia*	
8	Cò ruồi	*Bubulcusibis*	
9	Cò lửa	*Ixobrychus*	
10	Cò xanh	*Butorides striatus*	
	III. Bộ Ngỗng	Anseriformes	
	3. Họ vịt	Anatidae	
11	Vịt đầu vàng	*Anas penelope**	
12	Mòng két	*Anas crecca**	
13	Vịt mốc	*Anas acuta acuta**	
14	Vịt trời	*Anas poecilorhynchan**	
15	Vịt mỏ thìa	*Anas clypeata**	
16	Vịt lưỡi liềm	*Anas falcata**	
17	Vịt đầu đỏ	*Aythya ferina**	
18	Vịt mào	*Aythya fuligula**	
	IV. Bộ Cắt	Falconiformes	
	4. Họ Ưng	Accipitridae	
19	Diều mướp	*Circus melanoleucos*	
20	Diều hâu	*Milvus migrans*	
21	Diều trắng	*Elanus caeruleus*	
22	Diều ăn ong	*Pernis ptilorhynchus*	
	5. Họ Cắt	Falconidae	
23	Cắt lưng hung	*Falco tinnunculus*	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	SĐVN 2007
	V. Bộ Sếu	Gruiformes	
	6. Họ Cun cút	Turnicidae	
24	Cun cút lưng hung	*Turnix tanki*	
	7. Họ Gà nước	Rallidae	
25	Gà nước văn	*Rallus striatus*	
26	Cuốc ngực nâu	*Porzana fusca*	
27	Cuốc ngực trắng	*Amaurornis phoenicurus*	
28	Kịch	*Gallinula chloropus*	
	VI. Bộ Sả	Coraciiformes	
	8. Họ Bói cá	Alcedinidae	
29	Bói cá nhỏ	*Ceryle rudis*	
30	Bồng chanh	*Alcedo atthis*	
31	Sả đầu nâu	*Halcyon smyrnensis*	
32	Sả đầu đen	*Halcyon pileata*	
	VII. Bộ Rẽ	Charadriiformes	
	9. Họ Cà kheo	Recurvirostridae	
33	Cà kheo	*Himantropus himantropus**	
34	Cà kheo mỏ cong	*Recurvirostra avosetta**	
	10. Họ Choi choi	Charadriidae	
35	Choi choi biển	*Charadrius dubius**	
36	Choi choi Mông Cổ	*Charadrius mongolus**	
37	Choi choi lưng hung	*Charadrius leschenaultii**	
38	Choi choi khoang cổ	*Charadrius alexandrinus**	
39	Choắt mỏ cong lớn	*Numenius arquata**	
40	Choắt mỏ cong bé	*Numenius phaeopus**	
41	Choắt chân đỏ	*Tringa erythropus**	
42	Choắt nhỏ	*Tringa hypoleucos**	
43	Choắt nâu	*Tringa totanus**	
44	Choắt lớn	*Tringa nebularia**	
45	Choắt bụng trắng	*Tringa ochropus**	
46	Choắt bụng xám	*Tringa glareola**	
47	Rẽ giun	*Gallinago gallinago**	
48	Rẽ giun á châu	*Gallinago stenura**	
49	Rẽ cổ hung	*Calidris ruficollis**	
50	Rẽ lưng đen	*Calidris temminckii**	
51	Rẽ trán trắng	*Calidris alpina**	
52	Rẽ bụng nâu	*Calidris ferruginea**	
53	Rẽ cổ xám	*Calidris alba**	
54	Rẽ mỏ rộng	*Limicola falcinellus**	
	11. Họ Rẽ	Scolopacidae	
55	Choắt mỏ thẳng đuôi đen	*Limosa limosa**	
56	Choắt mỏ thẳng đuôi vằn	*Limosa laponica**	
57	Rẽ lớn ngực đốm	*Calidris tenuirostris**	
	VIII. Bộ Mòng bể	Lariformes	
	12. Họ Mòng bể	Laridae	
58	Mòng bể	*Larus ridibundus**	
59	Mòng bể đầu nâu	*Larus brunnicephalus**	
60	Mòng bể chân vàng	*Larus argentatus**	
61	Nhàn xám	*Chlidonias hybrida**	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	SĐVN 2007
62	Nhàn chân đen	*Gelochelidon nilotica**	
63	Nhàn nhỏ	*Sterna albifrons**	
64	Nhàn	*Sterna hirundo* *	
65	Nhàn Caxpia	*Hydroprogne caxpia**	
	IX. Bộ Bồ câu	Columbiformes	
	13. Họ Bồ câu	Columbidae	
66	Cu gáy	*Streptopelia chinensis*	
67	Cu ngói	*Streptopelia tranquebarica humilis*	
	X. Bộ Cu cu	Cuculiformes	
	14. Họ Cu cu	Cuculidae	
68	Bìm bịp nhỏ	*Centropus bengalensis*	
69	Chèo chẹo lớn	*Cuculus sparveroides*	
70	Tìm vịt	*Cacomantis merulinus*	
	XI. Bộ Yến	Apodiformes	
	15. Họ Yến	Apodiniae	
71	Yến hông trắng	*Apus pacificus**	
72	Yến cằm trắng	*Apus affinis* *	
	XII. Bộ Gõ kiến	Piciformes	
	16. Họ Gõ kiến	Picidae	
73	Vẹo cổ	*Junx torquilla*	
	XIII. Bộ Sẻ	Passeriformes	
	17. Họ Sơn ca	Alaudidae	
74	Sơn ca	*Alauda gulgula*	
	18. Họ Nhạn	Hirundinidae	
75	Nhạn bụng trắng	*Hirundo rustica* *	
76	Nhạn bụng xám	*Hirundo daurica* *	
	19. Họ Chìa vôi	Motacillidae	
77	Chìa vôi vàng	*Motacilla flava* *	
78	Chìa vôi trắng	*Motacilla alba* *	
79	Chìa vôi xám	*Motacilla cinerea* *	
80	Chim manh Vân Nam	*Anthus hodgsoni*	
81	Chim manh lớn	*Anthus novaeseelandae*	
82	Chim manh họng đỏ	*Anthus cervinus*	
	20. Họ Chào mào	Pycnonotidae	
83	Chào mào	*Pycnonotus jocosus*	
84	Chào mào bụng vàng	*Pycnonotus aurigaster*	
85	Bông lau đầu đen	*Pycnonotus sinensis*	
	21. Họ Bách thanh	Lanidae	
86	Bách thanh	*Lanius schach*	
87	Bách thanh nhỏ	*Lanius collurioides*	
	22. Họ Bạc má	Paridae	
88	Bạc má	*Parus major*	
	23. Họ Chèo bẻo	Dicruridae	
89	Chèo bẻo xám	*Dicrurus leucocephalus*	
90	Chèo bẻo bờm	*Dicrurus hottentotus*	
	24. Họ Chích choè	Turdinae	
91	Chích choè	*Copsychus saularis*	
92	Sẻ bụi đầu đen	*Saxicola torquata*	
93	Chích nâu	*Phylloscopus fuscatus*	

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	SĐVN 2007
94	Chích mày lớn	*Phylloscopus inornatus*	
95	Chích ngực vàng	*Phylloscopus ricketti*	
96	Chích mày vàng	*Phylloscopus coronatus*	
97	Chiền chiện đồng hung	*Cisticola juncidis*	
98	Chiền chiện bụng vàng	*Prinia flaviventris*	
	25. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae	
99	Đớp ruồi	*Muscicapa sibirica*	
100	Đớp ruồi xanh xám	*Muscicapa thalassina*	
101	Đớp ruồi mày trắng	*Ficedula hyperythra*	
102	Oanh cổ đỏ	*Erithacus calliope*	
103	Hoét đen	*Turdus merula*	
104	Hoét hung	*Turdus rubrocanus*	
105	Sáo đất	*Zoothera dauma*	
106	Hoét đá	*Monticola solitarius*	
	26. Họ Rẻ quạt	Monarchidae	
107	Đớp ruồi xanh gáy đen	*Hypothymis azurea*	
108	Rẻ quạt họng trắng	*Rhipidura albicollis*	
	27. Họ Vành khuyên	Zosteropidae	
109	Vành khuyên	*Zosterops japonica*	
	28. Họ chim di	Estrildidae	
110	Di cam	*Lonchura striata*	
111	Sẻ nhà	*Passer montanus*	
	29. Họ Sẻ đồng	Fringillidae	
112	Sẻ đồng lùn	*Emberiza pusilla*	
113	Sẻ đồng mặt đen	*Emberiza spodocephala*	
	30. Họ Sáo	Sturnidae	
114	Sáo đen	*Acridotheres cristatellus*	
115	Sáo sậu	*Acridotheres nigricollis*	
116	Sáo đá đầu trắng	*Sturnus sericeus*	
117	Sáo đá má trắng	*Sturnus cineraceus*	

Ghi chú: * *Loài di cư*

Cột sách đỏ Việt nam 2007: EN- Nguy cấp (*Endangered*); VU- sẽ nguy cấp (*Vulnerable*)

Bảng 3. Danh sách các loài thú (Mammalia) vùng dự án vùng dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007
	Lớp Thú	Mamalia	
	I. Bộ Ăn sâu bọ	Insectivora	
	1. Họ Chuột chù	Soricidae	
1	Chuột chù	*Suncus murinus*	
	II Bộ Dơi	Chiroptera	
	2. Họ Dơi quả	Pteropodidae	
2	Dơi chó ấn	*Cynopterus sphinx*	
3	Dơi ngựa nâu	*Rousettus leschenaulti*	
	3. Họ Dơi lá mũi	Hipposideridae	
4	Dơi mũi xinh	*Hipposideros bicolor*	
	4. Họ Dơi muỗi	Vespertilionidae	
5	Dơi tai	*Myotis adversus*	
6	Dơi muỗi Java	*Pipistrellus javanicus*	
7	Dơi nghệ	*Scotophilus heathii*	

	III. Bộ ăn thịt	Carnivora	
	5. Họ Chồn	Mustelidae	
8	Rái cá thường	*Lutra lutra*	VU
	IV. Bộ Gặm nhấm	Rodentia	
	6 Họ Chuột	Muridae	
9	Chuột đất lớn	*Bandicota indica*	
10	Chuột đất bé	*Bandicota savilei*	
11	Chuột nhắt nhà	*Mus musculus*	
12	Chuột nhà	*Rattus flavipectus*	
13	Chuột đồng bé	*Rattus . losea*	
14	Chuột cống	*Rattus . norvegicus*	

Ghi chú: - Cột sách đỏ Việt nam 2007: VU- sẽ nguy cập (*Vulnerable*);

Bảng 4. Danh sách các loài bò sát, lưỡng cư vùng dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	SĐVN 2007
	Lớp Ếch nhái	Amphibia	
	I. Bộ Không đuôi	Anura	
	1. Họ cóc	Bufonidae	
1	Cóc nhà	*Bufo melanostictus*	
	2. Họ ếch nhái	Ranidae	
2	Ếch đồng	*Holophatrachus rugulosus*	
3	Ngoé	*Limnonectes limnocharis*	
4	Chẫu	*Rana guentheri*	
	Lớp Bò sát	Reptilia	
	II. Bộ có vảy	Squamata	
	3. Họ tắc kè	Gekkonidae	
5	Tắc kè	*Gekko gecko*	VU
6	Thạch sùng duôi sần	*Hemidactylus frenatus*	
	4. Họ thằn lằn bóng	Scincidae	
7	Thằn lằn bóng đuôi dài	*Mabuya longicaudata*	
8	Thằn lằn chân ngắn	*Lyg osoma quadru es*	
	III. Bộ Rắn	Serpentes	
	5. Họ rắn nước	Colubridae	
9	Rắn ráo thường	*Ptyas korros*	EN
10	Rắn sọc dưa	*Elaphe radiata*	
11	Rắn nước	*Xenochrophis piscator*	
	6. Họ rắn hổ	Elapidae	
12	Rắn cạp nia Bắc	*Bungarus multicintus*	
	IV. Bộ Rùa	Testudinata	
	7. Họ ba ba	Trionychidae	
13	Ba ba da trơn	*Pelod iscus sin ensis*	

Ghi chú: - Cột sách đỏ Việt nam 2007: EN- Nguy cấp (*Endangered*); VU- sẽ nguy cập (*Vulnerable*);

Bảng 5. Danh sách thực vật nổi khu vực dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên thực vật nổi (TVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
41	Tảo Silic Bacillariophyta	39	39	35
	Bộ Discinales			
	Họ Coscinodiscaceae			
1	*Melosira varians* Ag	+	+	
2	*Melosira granulata* Ralfs	+	+	+
3	*Melosira granulata var. angutissima*	+	+	+
4	*Melosira islandica*	+	+	
5	*Melosira distans* Kutzing	+	+	
6	*Cyclotella stelligera*	+	+	+
	Họ Achnanthaceae			
7	*Cocconeis placentula* Ehr	+	+	+
	Họ Fragilariaceae			
8	*Synedra acus* Kutz	+	+	+
9	*Synedra. ulna* (Nitzsch) Ehr.	+	+	+
10	*Synedra ulna* (Nitzsch) Ehr *var biceps* (kg) Schonf.	+	+	+
11	*Fragillaria construens* Grunow	+	+	+
	Ho Tabelariaceae			
12	*Diatoma elongatum Ehr*	+	+	+
	Họ Naviculaceae			
13	*Navicula placentula* Grun	+	+	+
14	*Navicula placentula fo. lanceolata*	+	+	+
15	*Navicula placentula f. rostrata*	+	+	+
16	*Navicula. gracillis* Ehr	+	+	+
17	*Navicula. gastrum*	+	+	+
18	*Navicula. rhynchocephala*	+	+	
19	*Pinularia gibba*	+	+	+
20	*Pinularia. nobilis*		+	
21	*Amphora hendeyi n. sp.*	+	+	+
22	*Achnanthes coarctata*	+	+	+
23	*Cymbella turgida* Clever	+	+	+
24	*Cymbella. naviculiformis*	+	+	+
25	*Cymbella. parva* Clever	+	+	
26	*Cymbella ventricosa* Kutz	+	+	+
27	*Cymbella sistula*	+	+	+
28	*Cymbella. lanceolata*	+	+	+
29	*Cymbella. tumida*	+		+
30	*Gomphonema sphaerophorum* Ehr	+	+	++
31	*Gomphonema. olivaceum* Ehr	+	+	+
32	*Nedium affine* Ehr.	+	+	+
33	*Gyrosigma attenuatum*	+	+	+
34	*Gyrosigma. kutzingii*		+	+
	Họ Nitzschiaceae			
35	*Nitzschia recta* Hantsch	+	+	+
36	*Nitzschia. filiformis* Hust.	+	+	+

TT	Tên thực vật nổi (TVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
37	*Nitzschia. philippinarum* Ehr	+	+	+
38	*Nitzschia. nianensis*	+		+
39	*Nitzschia. acicularis*	+	+	+
	Họ Surirellaceae			
40	*Surirella robusta* Ehr	+	+	+
41	*Surirella. robusta var. splendida*	+	+	+
29	Tảo Lục Chlorophyta	25	22	20
	Bộ Chlorococcales			
	Họ Hydrodictyaceae			
42	*Pediastrum. simplex var. echinulatum*	+	+	+
43	*Pediastrum biradiatum*	+		
44	*Tetraedron gracille* (Reinsch) Hansg		+	
	Họ Oocystaceae			
45	*Ankistrodesmus falcatus* Ralfs (Corda) Ralfs	+	+	+
	Họ Scenedesmaceae			
46	*Crucigenia tetrapedia* (Kirchner) W&G West	+	+	+
47	*Crucigenia crucifera*	+	+	+
48	*Scenedesmus. ellipsoideus* Chodat	+	+	+
49	*Scenedesmus. acuminatus var. biceriatus*	+	+	+
50	*Scenedesmus. bicaudatus*	+		
51	*Scenedesmus. obiquus*	+		+
52	*Scenedesmus quadricauda* (Turp.) Breb.	+		
53	*Actinastrum hantzschii*	+	+	+
	Bộ Zygnematales			
	Họ Zygnemataceae			
54	*Spirogyra ionia*	+	+	+
55	*Spirogyra. prolifica*	+	+	+
	Họ Mesotaeniaceae			
56	*Gonatozygon aculeatum Hast.*	+		+
	Họ Desmidisceae			
57	*Closterium trigosum*	+	+	+
58	*Closterium. cornuta*	+	+	+
59	*Closterium. porectum*	+	+	+
60	*Closterium. erhenbergii*		+	
61	*Cosmarium sportella* Ehr	+	+	+
62	*Coosmarium. subrotumidum* var. *gregorii*	+		+
63	*Cosmarium. phaseolus var. omphalum*	+	+	+
64	*Staurastrum limneticum*		+	
65	*Staurastrum tetraceum*		+	
66	*Hyalotheca dissiliens* (J.E. Smith) Breb.	+	+	+
	Bộ Ulotrichales			
	Họ Ulotricaceae			
67	*Ulothrix zonata* (Schmide) Bohlin	+	+	+
	Bộ Vovocales			
	Họ Volvocaceae			
68	*Volvox aureus* Ehr	+	+	

TT	Tên thực vật nổi (TVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
69	*Pandorina morum* Bory	+	+	+
70	*Eudorina elegans* Ehr	+		
11	Tảo Lam Cyanophyta	10	11	8
	Bộ Chroococcales			
	Họ Chroococcaceae			
71	*Merismopedia tenuissima*	+	+	+
72	*Mycrosystis aeruginosa*	+	+	+
	Bộ Nostocales			
	Họ Nostocaceae			
73	*Anabaena viguieri*	+	+	+
	Họ Oscillatoriaceae			
74	*Lyngbya birgei* G.M.S.Smith	+	+	+
75	*Oscilllatoria limosa* Ag	+	+	+
76	*Oscilllatoria. planetomica*		+	
77	*Oscilllatoria. formosa* Bory	+	+	+
78	*Oscilllatoria. raciborckii*	+	+	
79	*Oscilllatoria. princeps*	+	+	+
80	*Phormidium mucicola*	+	+	
81	*Phormidium. tenue*	+	+	+
14	Tảo Mắt Euglenophyta	13	10	9
	Bộ Euglenales			
	Họ Euglenaceae			
82	*Euglena acus* Ehr	+	+	+
83	*Euglena. gaumei*	+		
84	*Euglena. hemichromata*	+	+	+
85	*Euglena. gracillis*	+	+	+
86	*Euglena. caudata*	+	+	+
87	*Euglena. proxima*		+	
88	*Euglena. rostifera nsp.*	+	+	+
89	*Phacus torta* Lemm	+		+
90	*Phacus. longicauda*	+		+
91	*Phacus. acuminatus*	+	+	
92	*Phacus. hamelii*	+		
93	*Strombomonas. fluviatilis var. ettlii*	+	+	+
94	*Trachelomonas. bernardinensis*	+	+	
95	*Trachenomonas. hispida*	+	+	+

Bảng 6. Danh sách động vật nổi (ĐVN) khu vực dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên động vật nổi (ĐVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
	Ngành chân khớp - Arthropoda			
	Lớp giáp xác - Crustacea			

TT	Tên động vật nổi (ĐVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
18	Giáp xác Chân chèo - Copepoda	16	15	11
	Bộ Calanoida			
	Họ Diaptomidae			
1	*Mongolodiaptomus birulai* (Rylop)	+	+	+
2	*Phyllodiaptomus tunguidus* Shen et Tai	+	+	+
3	*Heliodiaptomus falxus* Shen et Tai	+	+	+
4	*Neodiaptomus yangtkesianensis* Mashiko		+	
	Họ Centropagidae			
5	*Sinocalanus leavidactylus* Shen et Tai	+	+	
6	*Sinocalanus mystrophorus* Burckhardt	+	+	
	Họ Pseudodiaptomidae			
7	*Schmackeria bulbosa* Dang	+	+	
8	*Schmackeria gordioides* (Brehm)	+		
	Bộ Cyclopoida			
	Họ Cyclopidae			
9	*Mesocyclops leuckarti* (Claus)	+	+	+
10	*Microcyclops varicans* (Sars)	+	+	+
11	*Thermocyclops hyalinus* (Rehberg)	+	+	+
12	*Thermocyclops taihokuensis* (Harada)	+	+	+
13	*Eucyclops serrulatus* (Fischer)	+	+	+
14	*Paracyclops fimbriatus* (Fischer)	+	+	+
15	*Ectocyclops phaleratus* (Koch)	+		+
16	*Halicyclops aequoreus* (Fischer)	+	+	
17	*Eucyclops speratus* (Lilljeborg)	+		+
18	*Tropocyclops prasinus* (Fischer)		+	
	Phân lớp Chân mang-Branchiopoda			
27	Bộ giáp xác râu ngành - Cladocera	22	23	23
	Họ Bosminidae			
19	*Bosmina longirostris* (O. F. Muller)	+	+	+
20	*Bosminopsis deitersi* Richard	+	+	+
	Họ Sididae			
21	*Sida crystallina* (O.F. Muller)		+	
22	*Diaphanosoma sarsi* Richard	+	+	+
23	*Diaphanosoma excisum* Sars	+	+	+
24	*Diaphanosoma leuchtenbergianum* Fischer	+	+	+
	Họ Macrothricidae			
25	*Macrothrix spinosa* King	+	+	+
26	*Ilyocryptus halyi* Brady	+	+	+
	Họ Daphniidae			
27	*Moinodaphnia macleayii* (King)	+	+	+
28	*Moina dubia de* Guerne et Richard	+	+	+
29	*Scapholeberis kingi* Sars	+	+	+
30	*Daphnia carinata* King		+	
31	*Daphnia lumholtzi* Sars		+	
32	*Simocerphalus elizabethae* (King)	+		+
33	*Ceriodaphnia rigaudi* Richard	+	+	+

TT	Tên động vật nổi (ĐVN)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
	Họ Chydoridae			
34	*Alona guttata guttata* Sars	+		+
35	*Alona eximia* Kiser	+	+	+
36	*Alona rectangula* Sars		+	+
37	*Biapertura intermedia* (Sars)	+	+	+
38	*Biapertura karua* (King)	+		
39	*Camptocercus vietnamensis* Dang	+		+
40	*Pleuroxus similis* (Vavra)	+	+	+
41	*Disparalona rostrata* (Koch)	+	+	+
42	*Dunhevedia crassa* King	+	+	+
43	*Chydorus sphaericus sphaericus* (O.F. Muller)	+	+	+
44	*Kurzia longirostris* (Daday)	+	+	+
45	*Euryalona orientalis*		+	+
	Ngành Giun tròn - Nemathelminthes			
13	Lớp Trùng bánh xe - Rotatoria	12	8	6
	Bộ Monogononta			
	Họ Asplanchnidae			
46	*Asplanchna sieboldi* (Leydig)	+	+	+
	Họ Mytilinidae			
47	*Mytilina ventralis* (Ehrenberg)	+	+	+
	Họ Trichocercidae			
48	*Trichocerca (Trichocerca) longiseta* (Schrank)	+		
	Họ Philodinidae			
49	*Rotaria neptunia* (Ehrenberg)	+		
50	*Rotaria rotaria* (Pallas)	+		
	Họ Brachionidae			
51	*Brachionus caudatus* Apstein	+		
52	*B. quadridentatus* Hermann	+	+	
53	*B. falcatus* Zacharias	+	+	+
54	*B. calyciflorus* Pallas	+	+	+
55	*B. urceus* (Linnaeus)	+	+	
56	*B. divesicornis*		+	+
57	*Platyias quadricornis* (Ehrenberg)	+	+	+
	Họ Testudinellidae			
58	*Pompholyx complanata* Cosse	+		
4	Nhóm khác	4	4	4
59	*Ấu trùng giáp xác Crusstacea*	+	+	+
60	*Ấu trùng thân mềm Mollusca*	+	+	+
61	*Ấu trùng côn trùng Insect larvae*	+	+	+
62	*Giáp xác Ostracoda*	+	+	+

Bảng 7. Danh sách Động vật đáy (ĐVĐ) khu vực dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên động vật đáy (ĐVĐ)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
	Ngành động vật Thân mềm - Mollusca			
10	Lớp Hai mảnh vỏ - Bivalvia	4	9	6
	Họ Corbiculidae			
1	*Corbicula cyreniformis* Prime	+	+	+
2	*Corbicula messageri* Bav.et.Dautz	+	+	+
3	*Corbicula moreletiana* (Prime)	+	+	+
4	*Corbicula boudoni* Morlet		+	+
	Họ Mytilidae			
5	*Limnoperna siamensis* (Morelet)		+	+
	Họ Amblemidae			
6	*Oxynaia diespiter* (Mabille)	+		
	Họ Unionidae			
7	*Sinanodonta jourdyi* (Morlet)		+	
8	*Nodularia douglasiae crassidens* Hass		+	+
9	*Nodularia dori*		+	
10	*Solenaia oleivoira* (Heude)		+	
15	Lớp Chân bụng - Gastropoda	14	10	12
	Họ Ampullariidae			
11	*Pila conica* (Gray)	+		
12	*Pomacea bridgesi* (Reeve)	+	+	+
13	*Pomacea canaliculata* (Lamarck)	+		
	Họ Bithyniidae			
14	*Allocinma longicornis* (Benson)			+
	Họ Lymnaeidae			
15	*Lymnaea swinhoei* Adams	+	+	+
16	*Lymnaea viridis* Quoy et Gaimard	+	+	+
	Họ Pachychilidae			
17	*Brotia siamensis* (Brot)	+	+	+
	Họ Stenothyridae			
18	*Stenothyra messageri* Bavey et Dautzenberg	+		+
	Họ Planorbidae			
19	*Gyraulus heudei* (Clessin)	+		+
	Họ Thiaridae			
20	*Melanoides tuberculatus* (Muller)	+	+	+
21	*Tarebia granifera* (Lamarck)	+	+	+
22	*Thiara scabra* (Muller)	+	+	+
	Họ Viviparidae			
23	*Angulyagra boettgeri* (Heude)	+	+	+
24	*Angulyagra polyzonata* (Frauenfeld)	+	+	+
25	*Sinotaia aeruginosa* (Reeve)	+	+	
	Ngành động vật chân khớp - Arthropoda			
7	Lớp giáp xác - Crustacea	5	4	2
	Bộ Mười chân - Decapoda			
	Phân bộ Tôm - Macrura			

TT	Tên động vật đáy (ĐVĐ)	Khu vực thu mẫu		
		Cầu Nguyễn Trái	Cầu Vũ Yên	Cầu Ruột Lợn
	Họ Atyidae			
26	*Neocaridina vietnamensis* Dang	+		
27	*Caridina acuticaudata* Dang		+	
28	*Caridina flavilineata* Dang	+	+	+
29	*Caridina subnilotica* Dang	+		
	Họ Palaemonidae			
30	*Macrobrachium hainanense* Parisi	+	+	+
	Phân bộ Cua - Brachuyra			
	Họ Parathelphusidae			
31	*Somaniathelphusa dugasti* (Rathbun)	+		
32	*Somaniathelphusa sinensis* H. Milne Edwards		+	
9	Lớp Côn Trùng - Insect	7	2	0
	Bộ Chuồn chuồn - Odonata			
	Họ Coenagrionidae			
33	Coenagrionidae	+		
	Họ Corduliidae			
34	Corduliidae	+		
	Họ Libellulidae			
35	Libellulidae	+		
	Họ Gomphidae			
36	Gomphidae	+		
	Bộ Hai cánh - Diptera			
	Họ Chironomidae			
37	Chironomidae		+	
	Họ Ephemeridae			
38	Ephemeridae	+		
	Bộ cánh vảy - Lepidoptera			
	Họ Pyralidae			
39	Pyralidae		+	
	Bộ Cánh cứng - Coleoptera			
	Họ Helodidae			
40	Helodidae	+		
	Bộ Cánh nửa - Hemiptera			
	Họ Naucoridae			
41	Naucoridae	+		

Bảng 8. Danh sách các loài cá nước ngọt vùng dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	Bộ cá Chình	Anguilliformes
	Họ cá Chình rắn	Ophichthyidae
1	Cá Nhệch	*Pisodonophis boro* (Hamilton)
	Bộ cá Trích	Clupeiformes
	Họ cá Trích	Clupeidae
2	Cá mòi cờ hoa	*Clupanodon thrissa* (Linnaeus) EN

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
3	Cá cháy	*Tenualosa reevesii* (Richardson) EN
	Họ cá Trỏng	Engraulidae
4	Cá Lành canh trắng	*Coilia grayii* Richardson
	Bộ cá ốt me	Osmeriformes
	Họ cá Ngần	Salangidae
5	Cá Ngần trắng	*Leucosoma chinensis* (Osbeck)
	Bộ cá Chép Mỡ	Characiformes
	Họ Characid	Charracidae
6	Cá Chim trắng nước ngọt	*Colossoma brachypomus* (Cuvier)
	Bộ cá Chép	Cypriniformes
	Họ Chép	Cyprinidae
7	Cá Trắm đen	*Mylopharyngodon piceus* (Richardson)
8	Cá Trắm cỏ	*Ctenopharyngodon idellus* (Cuv. &Val.)
9	Cá Chày mắt đỏ	*Squaliobarbus curriculus* (Richardson)
10	Cá Măng	*Elopichthys bambusa* (Richardson) VU
11	Cá Dầu hồ	*Toxabramis hotayensi* Hao *nov. sp*
12	Cá Mương xanh	*Hemiculter leucisculus* (Basilewsky)
13	Cá Thiểu bắc	*Cultrichthys erythropterus* (Basilewsky)
14	Cá vền	*Megalobrama skolkovii* Dybowsky
15	Cá Vền dài	*Megalobrama terminalis* (Richardson)
16	Cá Ngão gù	*Culter recurvirostris* Sauvage
17	Cá Thiểu	*Cultrichthys erythropterus* (Basilewsky)
18	Cá Mại	*Rasborinus cephalotaenia steineri* (N&P)
19	Cá Nhàng bạc	*Xenocypris argentea* Gỹnther
20	Cá Mè trắng Trung Quốc	*Hypophthalmichthys molitrix* (Cu.&Val.)
21	Cá Mè hoa	*Aristichthys nobilis* (Richardson)
22	Cá Đòng đong	*Capoeta semifasiolata* (Gynther
23	Cá Rôhu	*Labeo rohita* (Hamilton)
24	Cá Trôi	*Cirrhinus molitorella* (Cuvier&Valen.)
25	Cá Trôi ấn độ	*Cirrhinus mrigala* (Hamilton, 1822)
26	Cá Dầm đất	*Osteochilus salsburyi* Nichols & Pope
27	Cá Diếc	*Carassius auratus* (Linnaeus, 1758)
28	Cá Nhưng	*Carassioides cantonensis* (Heincke)
29	Cá Chép	*Cyprinus carpio* Linnaeus, 1758
30	Cá Lòng tong	*Opsariichthys hieni* Tu
31	Cá Nhồng Măng	*Luciobrama macrocephalus* (Lac.)
32	Cá mần	*Xenocypris davidi* Bleeker, 1871
33	Cá Nhàng bạc	*Xenocypris argentea* Gunther,1868
34	Cá Đục ngộ	*Hemibarbus medius* Yue, 1995
35	Cá Đục trắng	*Squalidus chankaensis* (Dybowsky)
36	Cá Đục râu	*Gobiobotia kolleri* (Ban. & Nal., 1966)
37	Cá Thè be thường	*Acheilognathus tonkinensis* (Vaillant, 1892)
38	Cá Đòng đong	*Capoeta semifasciolata* (Gunther,1868)
39	Cá Chày đất	*Spinibarbus hollandi* (Oshima, 1919)
40	Cá Bỗng	*Spinibarbus denticulatus* (Oshima)

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
41	Cá tép dầu	*Ichskauina macrolepis hainamensis* (N&P)
	Họ cá Chạch	Cobitidae
42	Cá Chạch bùn	*Misgurnus anguillicaudatus* (Cantor)
43	Cá Chạch hoa	*Cobitis cf. sinensis* (S & D,1874)
	Bộ cá nheo	Siluriformes
	Họ cá Ngạnh	Cranoglanididae
44	Cá Ngạnh	*Cranoglanis henrici* (Vaillant,1893)
	Họ cá Nheo	Siluridae
45	Cá Nheo	*Silurus asotus* Linnaeus, 1758
	Họ cá Trê	Clariidae
46	Cá Trê đen	*Clarias fuscus* (Lacepede, 1803)
47	Cá Trê lai (trê Phi)	*Clarias gariepinus* (Burchell, 1815)
	Bộ cá mang liền	Synbranchiformes
	Họ Lươn	Synbranchidae
48	Lươn	*Monopterus albus* (Zuiew, 1793)
	Họ cá Chạch sông	Mastacembelidae
49	Cá Chạch sông	*Mastacembelus armatus* (Lacepede)
	Bộ cá Vược	Perciformes
	Họ cá Rô phi	Cichlidae
50	Cá Rô phi vằn	*Oreochromis niloticus* (Linnaeus, 1758)
51	Cá Rô phi đen	*Oreochromis mossambicus* Peters, 1880
	Họ cá Bống đen	Eleotridae
52	Cá Bống mọi	*Eleotris melanosoma* Bleeker, 1852
53	Cá Bống đen nhỏ	*Eleotris oxycephala* Tem. & Schl
	Họ cá Bống trắng	Gobiidae
	Họ bống trắng	Gobiidae
54	Cá Bống cát	*Glossogobius giuris* (Hamilton, 1822)
	Họ cá Nhồng	Sphyraenidae
55	Cá Nhồng thường	*Sphyraena langsar* Bleeker, 1803
	Họ cá Rô đồng	Anabantidae
56	Cá Rô đồng	*Anabas testudineus* (Bloch, 1722)
	Họ cá Sặc	Belontidae
57	Cá Sặc bướm	*Trichogaster trichopterus* (Pallas, 1770)
	Họ cá Chuối	Channidae
58	Cá Xộp	*Channa striata* (Bloch, 1793)
	Họ cá cờ	Osphronemidae
59	Cá cờ	*Macropodus opercularis* (L., 1788)
	Bộ cá Sóc	Cyprinodontiformes
	Họ sóc	Adrianichthyidae
60	Cá Sóc	*Oryzias sinensis* (Chen & Uwa., 1989)
	Bộ cá Bơn	Pleuronecti formes
	Họ cá bơn	Bothidae
61	Cá Bơn	*Tephrinectes sinensis* (Lacepede, 1802)

Bảng 9. Danh sách các loài cá biển khu vực dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	Bộ cá Nhám răng chếch	Orectolobiformes
	Họ cá Nhám răng chếch	1.Odontaspididae
1	Cá nhám răng chếch đầu nhọn	*Scoliodon sorrokowah* (Cuvier)
	Bộ cá Trích	Clupeiformes
	Họ cá Trích	2. Clupeidae
2	Cá trích xương Cá sacdin Jusi	*Sardinella jussieu* (Lacépède)
3	Cá trích Bulan	*Harengula bulan* (Bleeker)
4	Cá mòi cờ chấm	*Clupanodon punctatus* Schlegel
5	Cá mòi cờ hoa	*Clupanodon thrissa* Linné
	Họ cá Trỏng	3. Engraulidae
6	Cá lẹp cam	*Thrissa kammalensis* (Bleeker)
7	Cá rớp	*Thrissa hamiltonii* Gray
8	Cá gà hàm dài	*Thrissa setirostric* (Broussonet)
9	Cá lẹp hàm ngắn	*Thrissa purava* (B&H)
10	Cá lẹp đỏ	*Thrissa dussumieri* (Cuv. & Val.)
11	Cá lẹp vàng	*Setipina taty* (Cuvier - Valenciennes)
12	Cá lành canh trắng	*Coilia grayii* Richardson
13	Cá lành canh đuôi phượng	*Coilia mystus* (Linné)
	Bộ cá Mối	Myctophiformes
	Họ cá Mối	4. Synodontidae
14	Cá thửng nhiều răng	*Saurida tumbil* (Bloch & Schneider)
	Họ cá Khoai	5. Harpodontidae
15	Cá khoai	*Harpodon nehereus* (B & H)
	Bộ cá Dưa (Chình)	Aguillifomes
	Họ cá Dưa	6. Muraenesocidae
16	Cá dưa	*Muraenesox cinereus* (Forskal)
17	Cá lạc	*Muraenesox talabonnoides* (Bleeker)
	Bộ cá Nheo	Siluriformes
	Họ cá Nheo	7. Bagridae
18	Cá hau	*Pseudobargus gulio* (Hamilton)
	Họ cá Ngát	8. Protosidae
19	Cá ngát	*Protosus anguillaris* (Block)
	Họ cá Úc	9. Ariidae
20	Cá úc liềm	*Arius falcarius* Richardson
21	Cá úc đầu cứng	*Arius leiotetocephalus* Bleeker
	Họ cá Nhệch	10. Echelidae
22	Cá nhệch một hàng răng	*Muraenichthys malabonensis* Herre
	Họ cá Chình	11. Ophychthydae
23	Cá nhệch răng hạt	*Pisoodonophis boro* (Hamilton)
24	Cá chình rắn mõm nhọn	*Ophichthys apicanis* Bennett
25	Cá chình rắn mắt to	*Ophychthys celebicus* Bleeker
26	Cá chình râu Trung Hoa	*Cirrhimuraena chinensis* Kaup
	Bộ cá Kìm (Nhái)	Beloniformes
	Họ cá Kìm	12. Hemirhamphidae
27	Cá kìm môi dài	*Hemirhamphus georgii* Cuvier & Valenciennes

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
28	Cá kìm Trung Hoa	*Hemirhamphus sinensis* Gỹnther
	Họ cá Nhái	13. Belonidae
29	Cá nhói lưng đen	*Tylosurus melanotus* (Bleeker)
30	Cá nhói đuôi chấm	*Tylosurus strongylurus* (van Hasselt)
	Họ cá Chuồn	14. Exocoetidae
31	Cá tựa chuồn vây ngắn	*Paraxocoetus branchipterus* (Richardson)
	Bộ cá Chìa vôi	Gasterostei formes
	Họ cá Chìa vôi	15. Syngnathidae
32	Cá chìa vôi thấp	*Syngnathus djarong* Bleeker
	Bộ cá Đối	Mugilifomes
	Họ cá Đối	16. Mugilidae
33	Cá đối đất	*Mugil dussumieri* Cuvier & Valenciennes
34	Cá đối nhồng	*Liza soiuy* (Basilewsky)
35	Cá đối lưng gờ	*Liza carilatus* (Cuv. & Val.)
36	Cá đối vẩy to	*Liza macrolepis* (Smith)
	Họ cá Suốt	17. Atherinidae
37	Cá suốt Bơlêcke	*Atherina bleekeri* Gỹnther
	Họ cá Nhụ	18. Polynemidae
38	Cá nhụ lớn	*Eleutheronema tetradactilus* Shaw
	Bộ cá Vược	Perciformes
	Họ cá Sơn	19. Centropomidae
39	Cá chẽm	*Lates calcarifer* (Bloch)
40	Cá sơn trọc đầu (Cá sơn đầu trần)	*Ambassis gymnocephalus* (Lacépède)
	Họ cá Mú	20. Serranidae
41	Cá mú sọc ngang	*Epinephelus fasciatus* (Forskal)
42	Cá mú điểm gai (Cá mú điểm đai)	*Epinephelus malabaricus* (Bloch & Schneider)
	Họ cá Căng	21. Theraponidae
43	Cá căng đàn (Cá căng cát)	*Therapon jarbua* (Forskal)
44	Cá căng vẩy to	*Therapon theraps* (Cuv. & Val.)
45	Cá căng mõm nhọn	*Therapon oxyrhynchus* (T. & S.)
46	Cá căng bốn sọc	*Pelates quadrilineatus* (Bloch)
	Họ cá Đục	22. Sillaginidae
47	Cá đục bạc	*Sillago sihama* (Forskal)
	Họ cá khế	23. Carangidae
48	Cá bao áo	*Atropus atropus* (B. & S.)
49	Cá khế mõm dài	*Carangoides chrysophris* (Cuvier)
50	Cá ngân	*Caranx kalla* Cuv. & Val.
51	Cá bè tôn	*Chorinemus tol* (Cuv. & Val.)
	Họ cá Liệt	24. Leiognathidae
52	Cá ngãng sao (Cá liệt vằn lớn)	*Leiognathus ruconius* (Hamilton)
53	Cá ngãng ngựa	*Leiognathus equulus* (Forskal)
54	Cá ngãng mõm ngắn (Cá liệt)	*Leiognathus breviostis* (Cuv. & Val.)
	Họ cá Hồng	25. Lutianidae
55	Cá hồng vẩy ngang	*Lutianus johnii* (Bloch)
56	Cá hồng chấm đen	*Lutianus russelli* Bleeker
	Họ cá Móm	26. Gerridae
57	Cá móm vây dài	*Gerres filamentosus* Cuvier
58	Cá móm vây liền (Cá móm biên)	*Gerres limbatus* (Cuvier & Valenciennes)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
59	Cá móm Nhật	*Gerreomorpha japonicus* (Bleeker)
	Họ cá Sạo	27. Pomadasyidae
60	Cá sạo	*Pomadasys hasta* (Block)
	Họ cá Tráp	28. Sparidae
61	Cá tráp gai dài đỏ	*Argyrops cardinalis* (Lacépède)
62	Cá tráp vây vàng	*Sparus latus* Houttuyn
63	Cá tráp Bec-đa	*Sparus berda* Forskal
	Họ cá Đù	29. Sciaenidae
64	Cá kẻ Đút xume	*Sciaena dussumieri* (Cuvier & Valenciennes)
65	Cá ướp Đút xume	*Johnius dussumieri* (Cuv. & Val.)
66	Cá đù bạc	*Argyrosomus argentatus* (Houttuyn)
67	Cá đù sina	*Argyrosomus sina* (Cuv. & Val.)
68	Cá đù nanh	*Nibea albiflora* (Rich)
	Họ cá Hiên	30. Drepanidae
69	Cá hiên	*Drepane punctata* (Linné)
	Họ cá Nâu	31. Scatophagidae
70	Cá nâu, Cá hói	*Scatophagus argus* (Linné)
	Họ cá Đàn lia	32. Callionymidae
71	Cá đàn lia mặt trăng	*Callionymus lunatus* T & S
72	Cá đàn lia sáp	*Callionymus schaapi* Bleeker
	Họ cá Bống	33. Eleotridae
73	Cá bống bớp	*Bostrichthys sinensis* (Lacépède)
74	Cá bống cấu	*Butis butis* (Hamilton)
75	Cá bống cửa	*Prionobutis koilomatodon* (Bleeker)
	Họ cá Bống trắng	34. Gobiidae
76	Cá bống râu	*Triaenopogon barbatus* (Gỹnther)
77	Cá bống cát	*Glossogobius giuris* (Hamilton)
78	Cá bống chấm gáy	*Glossogobius fasciato - punctatus* (Richardson)
79	Cá bống mấu mắt	*Glossogobius biocellatus* (Cuvier & Valen.)
80	Cá bống sọc	*Ctenogobius brevirostris* (Gỹnther)
81	Cá bống tro	*Acentrogobius caninus* (Cuvier & Valen.)
82	Cá bống chấm bụng	*Acentrogobius chlorotigmatoides* (Bleeker)
83	Cá bống hoa	*Acentrogobius flavimanus* (Term et Schl)
84	Cá bống chấm thân	*Acentrogobius viridipuncatus* (Cuv. & Val.)
85	Cá bống vảy gáy to	*Stigmatogobius poicilosona* (Bleeker)
86	Cá bống trụ dài	*Stenogobius balicroides* (Bleeker)
87	Cá bống răng xẻ	*Apocryptodon madurensis* (Day)
	Họ cá Lác	35. Periophthalmidae
88	Cá thoi loi	*Periophthalmus cantonensis* (Osbeck)
89	Cá lác	*Boleophthalmus pertinirostris* (Linné)
90	Cá thòi loi chấm	*Scartelaos viridis* (Hamilton & Buchana)
	Họ cá Nhàm	36. Taeniodidae
91	Cá nhàm đỏ (Cá nhàm)	*Odontamblyopus rubicundus* (Ham. & Buch.)
92	Cá nhàm xám	*Taenioides eruptionis* (Bleeker)
93	Cá rễ cau dài	*Tripauchen vagina* (Bloch & Schneider)
	Họ cá Đìa	37. Siganidae
94	Cá đìa tro	*Siganus fuscescens* Houttuyn

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
95	Cá đìa mõm	*Siganus restratus* (C. & V.)
	Họ cá Thu	38. Scombridae
96	Cá thu ấu	*Scomberomorus commersoni* (Lacépède)
	Họ cá Hố	39.Trichiuridae
97	Cá hố đầu cao	*Pseudoxymetopon sinensis* Chu & Wu
98	Cá hố cát	*Trichiurus savala* (C. & V.)
	Bộ cá Mù làn	Scorpaeniformes
	Họ cá Mù làn	40. Apoactidae
99	Cá mù làn ong Trung Hoa	*Vespicula sinensis* (Bleeker)
	Họ cá Chai	41. Platicephalidae
100	Cá chai ấn độ	*Platicephalus indicus* (Linné)
	Bộ cá Bơn	Pleuronecti formes
	Họ cá Bơn cát	42. Cynoglossidae
101	Cá bơn râu hoa Bơlốc	*Paraplagusia blochi* (Bleeker)
102	Cá bơn cát nửa trơn	*Areliscus remilaevis* (Gỹnther)
103	Cá bơn 2 sọc kép	*Arelia diplasios* (Jord & Everm)
	Họ cá Bơn	43. Soleidae
104	Cá bơn trứng	*Solea ovata* (Richardson)
105	Cá bơn nhỏ	*Solea humilis* (Cantor)
106	Cá bơn sọc (bơn thú)	*Zebrias zebra* (Bloch)
	Bộ cá Nóc	Tetraodontiformes
	Họ cá Nóc	44. Tetrodontidae
107	Cá nóc tròn vàng ánh	*Spheroides inermis* (T & S)

Mật độ TVN các trạm thu mẫu

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

Stt	Trạm thu mẫu	Mật độ TVN (Tb/l)				
		Tổng số	Tảo Silic	Tảo Lục	Tảo Lam	Tảo Mắt
1	C. Nguyễn Trãi Tn IP ĐT	1927.8	1134.0	283.5	510.3	0
2	C. Nguyễn Trãi Tn IG ĐT	2324.7	1587.6	226.8	510.3	0
3	C. Nguyễn Trãi Tn IT ĐT	1417.5	963.9	170.1	283.5	0
4	C. Nguyễn Trãi Tim IIP ĐT	4422.6	510.3	793.8	2891.7	226.8
5	C. Nguyễn Trãi Tim IIG ĐT	1701.0	1247.4	170.1	283.5	0
6	C. Nguyễn Trãi Tim IIT ĐT	3005.1	1587.6	567.0	793.8	56.7
7	C. Nguyễn Trãi Hn IIIP ĐT	2721.6	963.9	737.1	793.8	226.8
8	C. Nguyễn Trãi Hn IIIG ĐT	2721.6	1020.6	793.8	510.3	396.9
9	C. Nguyễn Trãi Hn IIIT ĐT	3402.0	737.1	510.3	1871.1	283.5
10	C. Nguyễn Trãi TnIP CT	3005.1	963.9	907.2	1077.3	56.7
11	C. Nguyễn Trãi TnIG CT	3742.2	1474.2	453.6	1530.9	283.5
12	C. Nguyễn Trãi TnIT CT	2324.7	907.2	737.1	510.3	170.1
13	C. Nguyễn Trãi Tim IIP CT	1587.6	567.0	963.9	510.3	113.4
14	C. Nguyễn Trãi Tim IIG CT	2494.8	1304.1	340.2	680.4	170.1
15	C. Nguyễn Trãi Tim IIT CT	3118.5	1587.6	793.8	567.0	170.1
16	C. Nguyễn Trãi Hn IIIP CT	3118.5	1587.6	793.8	567.0	170.1
17	C. Nguyễn Trãi Hn IIIG CT	2041.2	1247.4	226.8	510.3	56.7
18	C. Nguyễn Trãi Hn IIIT CT	3345.3	680.4	1644.3	737.1	283.5
19	C. Vũ Yên Tn IP ĐT	1814.4	737.1	963.9	0	113.4
20	C. Vũ Yên Tn IG ĐT	1190.7	1077.3	113.4	0	0
21	C. Vũ Yên Tn IT ĐT	2494.8	1304.1	113.4	1020.6	56.7
22	C. Vũ Yên Tim IIP ĐT	3288.6	1020.6	1190.7	510.3	0
23	C. Vũ Yên Tim IIG ĐT	3912.3	1814.4	850.5	850.5	396.9
24	C. Vũ Yên Tim IIT ĐT	2438.1	1247.4	113.4	963.9	113.4
25	C. Vũ Yên Hn IIIP ĐT	3288.6	1134.0	226.8	1814.4	113.4
26	C. Vũ Yên Hn IIIG ĐT	3628.8	1360.8	850.5	1360.8	56.7
27	C. Vũ Yên Hn III T ĐT	4536.0	1530.9	1134.0	1644.3	226.8
28	C. Vũ Yên Tn IP CT	3118.5	1927.8	396.9	737.1	56.7
29	C. Vũ Yên Tn IG CT	2154.6	1190.1	510.3	396.9	56.7
30	C. Vũ Yên Tn IT CT	2664.9	1134.0	737.1	737.1	56.7
31	C. Vũ Yên Tim IIP CT	2891.7	737.1	1077.3	850.5	170.1
32	C. Vũ Yên Tim IIG CT	3231.9	1530.9	226.8	1304.1	170.1
33	C. Vũ Yên Tim IIT CT	2891.7	1190.7	963.9	680.4	56.7
34	C. Vũ Yên Hn IIIP CT	3231.9	1020.6	907.2	1134.0	170.1
35	C. Vũ Yên Hn IIIG CT	3345.3	680.4	1644.3	737.1	283.5
36	C. Vũ Yên Hn IIIT CT	2551.5	907.2	737.1	850.5	56.7
37	C. Ruột Lơn Tn IP ĐT	2494.8	680.4	850.5	737.1	226.8
38	C. Ruột Lơn Tn IT ĐT	2494.8	793.8	850.5	737.1	113.4
39	C. Ruột Lơn Tim IIP ĐT	3458.7	1247.4	850.5	1247.4	113.4
40	C. Ruột Lơn Tim IIT ĐT	3231.9	1190.7	1077.3	850.5	113.4
41	C. Ruột Lơn Hn IIIP ĐT	1927.8	1134.0	283.5	510.3	0
42	C. Ruột Lơn Hn IIIT ĐT	2324.7	1587.6	226.8	510.3	0

Stt	Trạm thu mẫu	Mật độ TVN (Tb/l)				
		Tổng số	Tảo Silic	Tảo Lục	Tảo Lam	Tảo Mắt
43	C. Ruột Lơn Tn IP CT	1417.5	963.9	170.1	283.5	0
44	C. Ruột Lơn Tn IT CT	4422.6	510.3	793.8	2891.7	226.8
45	C. Ruột Lơn Tim II P CT	1701.0	1247.4	170.1	283.5	0
46	C. Ruột Lơn Tim II T CT	3005.1	1587.6	567.0	793.8	56.7
47	C. Ruột Lơn Hn IIIP CT	2721.6	963.9	737.1	793.8	226.8
48	C. Ruột Lơn Hn IIIT CT	3345.3	680.4	1644.3	737.1	283.5

Danh sách TVN các trạm khảo sát
Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																				Cầu Ruột Lợn												
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt												Triều cường								Triều kiệt					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	Tảo Silic - Bacillariophyta																																																		
	Bộ Discinales																																																	
	Họ Coscinodiscaceae																																																	
1	*Melosira varians* Ag											+					+			+		+						+																						
2	*Melosira granulata* Ralfs		+									+			+	+		+						+			+	+	+	+		+		+		+			+	+	+		+						
3	*Melosira granulata var. angutissima*														+	+		+						+			+	+	+		+			+						+									
4	*Melosira islandica*											+				+		+						+			+	+																					
5	*Melosira distans* Kutzing												+		+	+	+	+						+			+	+																					
6	*Cyclotella stelligera*					+				+											+													+											+					
	Họ Achnanthaceae																																																	
7	*Cocconeis placentula* Ehr		+		+		+																							+		+		+								+		+		+		
	Họ Fragilariaceae																																																	
8	*Synedra acus* Kutz	+	+	+	+		+		+	+	+	+	+	+			+		+		+	+	+	+	+	+			+		+	+			+	+		+			+	+	+	+	+		+		+
9	*Synedra. ulna* (Nitzsch) Ehr.	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+			+	+			+	+		+		+			+	+	+	+	+	+	+	+	+
10	*Synedra ulna* (Nitzsch) Ehr *var biceps* (kg) Schonf.	+	+	+	+		+	+	+	+	+			+	+	+	+	+		+	+	+	+		+	+					+							+			+	+	+	+		+	+		
11	*Fragillaria construens* Grunow		+				+				+												+								+		+		+							+						
	Ho Tabelariaceae																																																
12	*Diatoma elongatum Ehr*	+	+	+	+		+	+	+	+			+	+		+					+	+				+			+	+			+	+			+			+	+	+	+	+		+	+	
	Họ Naviculaceae																																																
13	*Navicula placentula* Grun	+	+				+			+		+							+	+	+			+		+			+				+		+						+	+				+		+
14	*Navicula placentula fo. lanceolata*	+	+		+			+	+											+	+				+	+				+		+									+	+		+			+	
15	*Navicula placentula f. rostrata*	+				+	+			+		+			+					+				+	+	+																+				+	+		

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																	Cầu Vũ yên																					Cầu Ruột Lợn																		
		Triều cường									Triều kiệt								Triều cường									Triều kiệt													Triều cường									Triều kiệt									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
16	*Navicula. gracillis* Ehr				+		+	+		+						+							+	+	+	+			+			+					+							+		+	+	
17	*Navicula. gastrum*		+										+						+						+					+			+			+					+							+
18	*Navicula. rhynchocephala*											+													+																								
19	*Pinularia gibba*				+							+				+							+			+																		+				
20	*Pinularia. nobilis*																								+											+													
21	*Amphora hendeyi n. sp.*		+					+							+									+					+								+								+			
22	*Achnanthes coarctata*			+	+				+											+										+				+			+						+	+				
23	*Cymbella turgida* Clever	+		+	+		+		+				+				+	+	+	+	+			+	+				+		+				+								+	+		+		+
24	*Cymbella. naviculiformis*	+					+															+	+	+	+	+					+		+											+			
25	*Cymbella. parva* Clever										+											+																											
26	*Cymbella ventricosa* Kutz		+				+					+			+				+						+					+			+			+						+			+		+
27	*Cymbella sistula*			+	+			+												+								+																+	+			+	
28	*Cymbella. lanceolata*			+	+						+			+						+		+																							+	+				
29	*Cymbella. tumida*		+																																															
30	*Gomphonema sphaerophorum* Ehr	+	+			+	+	+				+			+							+		+	+	+	+		+	+			+				+					+		+	+	+		
31	*Gomphonema. olivaceum* Ehr	+					+		+						+							+	+	+	+	+		+	+				+					+					+			+		
32	*Nedium affine* Ehr.			+	+																+						+				+													+	+				
33	*Gyrosigma attenuatum*							+			+		+			+	+					+	+		+			+				+						+		+						+		
34	*Gyrosigma. kutzingii*												+												+															+									
	Họ Nitzschiaceae																																																
35	*Nitzschia recta* Hantsch	+	+	+	+		+	+	+		+	+						+	+	+	+	+	+				+		+		+		+		+	+		+			+		+	+	+	+	+	+
36	*Nitzschia. filiformis* Hust.		+			+	+							+				+	+			+		+					+						+								+			+	+		+
37	*Nitzschia. philippinarum* Ehr	+					+				+	+								+						+																				+			
38	*Nitzschia. nianensis*					+					+				+	+																															+			
39	*Nitzschia. acicularis*								+			+													+													+											
	Họ Surirellaceae																																																
40	*Surirella robusta* Ehr					+		+					+						+			+	+	+	+						+	+			+	+				+				+		+	+
41	*Surirella. robusta var.*						+		+													+			+	+			+									+								+			

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																	Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn												
		Triều cường									Triều kiệt								Triều cường									Triều kiệt											Triều cường								Triều kiệt				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	splendida																																																
	Tảo Lục - Chlorophyta																																															
	Bộ Chlorococcales																																															
	Họ Hydrodictyaceae																																															
42	*Pediastrum. simplex var. echinulatum*																		+																+													+
43	*Pediastrum biradiatum*																+																															
44	*Tetraedron gracille* (Reinsch) Hansg																						+																									
	Họ Oocystaceae																																															
45	*Ankistrodesmus falcatus* Ralfs (Corda) Ralfs																		+																+													+
	Họ Scenedesmaceae																																															
46	*Crucigenia tetrapedia* (Kirchner) W&G West																		+					+											+						+						+
47	*Crucigenia crucifera*											+							+																+												+
48	*Scenedesmus. ellipsoideus* Chodat				+																											+										+					
49	*Scenedesmus. acuminatus var. biceriatus*								+		+			+		+							+					+						+				+	+								
50	*Scenedesmus. bicaudatus*													+																																			
51	*Scenedesmus. obiquus*														+																										+							
52	*Scenedesmus quadricauda* (Turp.) Breb.													+																																		
53	*Actinastrum hantzschii*							+																+												+										+	
	Bộ Zygnematales																																															
	Họ Zygnemataceae																																															
54	*Spirogyra ionia*		+			+	+	+		+	+		+			+	+		+	+			+	+			+	+		+	+		+		+				+		+		+		+	+	+	+
55	*Spirogyra. prolifica*					+	+		+														+				+					+						+							+	+		

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn											
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt									Triều cường						Triều kiệt					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	Họ Mesotaeniaceae																																																		
56	*Gonatozygon aculeatum Hast.*								+																													+											
	Họ Desmidisceae																																																		
57	*Closterium trigosum*			+	+	+	+	+	+			+						+			+					+	+		+				+				+							+	+	+	+	+	
58	*Closterium. cornuta*									+	+		+	+	+	+	+		+			+	+		+			+								+													+
59	*Closterium. porectum*							+											+					+						+		+				+				+								+	+
60	*Closterium. erhenbergii*																			+																														
61	*Cosmarium sportella* Ehr															+			+							+										+					+								+
62	*Coosmarium. subrotumidum* var. *gregorii*			+												+																							+					+					
63	*Cosmarium. phaseolus var. omphalum*					+	+	+									+										+																			+	+	+	
64	*Staurastrum limneticum*																										+																						
65	*Staurastrum tetraceum*																											+						+															
66	*Hyalotheca dissiliens* (J.E. Smith) Breb.										+									+			+								+				+						+								
	Bộ Ulotrichales																																																		
	Họ Ulotricaceae																																																		
67	*Ulothrix zonata* (Schmide) Bohlin	+																										+	+			+		+			+			+		+							
	Bộ Vovocales																																																		
	Họ Volvocaceae																																																		
68	*Volvox aureus* Ehr									+		+	+				+	+		+								+																					
69	*Pandorina morum* Bory																		+																	+													+
70	*Eudorina elegans* Ehr												+																																					
	Tảo Lam - Cyanophyta																																																		
	Bộ Chroococcales																																																		
	Họ Chroococcaceae																																																		
71	*Merismopedia tenuissima*						+				+				+							+	+			+							+		+					+							+		

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn													
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt									Triều cường								Triều kiệt							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
72	*Mycrosystis aeruginosa*					+				+		+																+																	+			
	Bộ Nostocales																																															
	Họ Nostocaceae																																															
73	*Anabaena viguieri*					+							+					+	+	+					+	+									+					+				+			+
	Họ Oscillatoriaceae																																														
74	*Lyngbya birgei* G.M.S.Smith						+																		+	+	+					+								+				+		
75	*Oscilllatoria limosa* Ag	+	+		+	+		+		+				+	+				+			+		+	+	+		+	+		+		+		+	+			+		+		+	+		+	+
76	*Oscilllatoria. planetomica*																										+																				
77	*Oscilllatoria. formosa* Bory			+		+	+		+		+			+		+							+			+	+		+		+		+				+	+					+		+	+		
78	*Oscilllatoria. raciborckii*											+												+			+																				
79	*Oscilllatoria. princeps*	+	+			+		+	+	+	+					+							+		+	+				+			+				+	+			+	+			+		+	
80	*Phormidium mucicola*											+	+				+	+				+		+				+																			
81	*Phormidium. tenue*							+											+																	+	+									+	+
	Tảo Mắt Euglenophyta																																														
	Bộ Euglenales																																														
	Họ Euglenaceae																																														
82	*Euglena acus* Ehr					+		+	+										+					+					+			+			+	+	+			+			+		+	+
83	*Euglena. gaumei*											+																																			
84	*Euglena. hemichromata*											+										+		+										+					+							
85	*Euglena. gracillis*																		+									+							+			+								+
86	*Euglena. caudata*					+			+	+				+	+									+				+			+		+				+					+			
87	*Euglena. proxima*																																+														
88	*Euglena. rostifera nsp.*												+			+									+		+				+									+						
89	*Phacus torta* Lemm					+		+	+																																		+		+		
90	*Phacus. longicauda*							+	+																															+					+		
91	*Phacus. acuminatus*											+												+										+												
92	*Phacus. hamelii*											+																																			
93	*Strombomonas. fluviatilis var. ettlii*						+		+	+							+									+	+	+				+					+						+			

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn											
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt									Triều cường						Triều kiệt					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
94	*Trachelomonas. bernardinensis*												+	+	+																				+														
95	*Trachenomonas. hispida*									+						+		+	+	+				+												+			+										+

Xác nhận của cơ quan

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

Q. VIỆN TRƯỞNG

Trần Huy Thái

Người tổng hợp kết quả

Phùm Văn Mạch

Danh sách thành phần loài ĐVN các trạm khảo sát
Dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																	Cầu Vũ yên																					Cầu Ruột Lợn												
		Triều cường									Triều kiệt								Triều cường									Triều kiệt													Triều cường									Triều kiệt						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	Ngành chân khớp - Arthropoda																																																			
	Lớp giáp xác - Crustacea																																																			
	Giáp xác Chân chèo - Copepoda																																																			
	Bộ Calanoida																																																			
	Họ Diaptomidae																																																			
1	*Mongolodiaptomus birulai* (Rylop)											+	+				+		+	+		+				+	+										+		+													
2	*Phyllodiaptomus tunguidus* Shen et Tai						+						+				+		+	+	+											+	+	+	+	+		+	+	+	+						+					
3	*Heliodiaptomus falxus* Shen et Tai				+			+									+		+		+		+		+	+										+									+			+		
4	*Neodiaptomus yangtkesianensis* Mashiko																							+																											
	Họ Centropagidae																																																			
5	*Sinocalanus leavidactylus* Shen et Tai															+	+	+	+	+	+	+	+	+		+										+															
6	*Sinocalanus mystrophorus* Burckhardt													+		+	+	+	+	+	+	+				+										+															
	Họ Pseudodiaptomidae																																																			
7	*Schmackeria bulbosa* Dang													+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+										+															
8	*Schmackeria gordioides* (Brehm)															+																																			
	Bộ Cyclopoida																																																		

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																				Cầu Ruột Lợn															
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt												Triều cường									Triều kiệt								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	Họ Cyclopidae																																																						
9	*Mesocyclops leuckarti* (Claus)			+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	+		+	+	+		+	+	+	+	+	+	+		+		+	+			+	+	+	+	+	+
10	*Microcyclops varicans* (Sars)	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
11	*Thermocyclops hyalinus* (Rehberg)			+		+	+		+				+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+				+		+	+	+	+		+	+	+				+		+	+		
12	*Thermocyclops taihokuensis* (Harada)													+	+										+	+				+			+		+		+	+			+											+
13	*Eucyclops serrulatus* (Fischer)	+	+		+	+									+		+									+				+			+		+								+	+		+	+			
14	*Paracyclops fimbriatus* (Fischer)	+																												+		+						+			+										
15	*Ectocyclops phaleratus* (Koch)	+	+																																						+	+									
16	*Halicyclops aequoreus* (Fischer)																+	+						+											+															
17	*Eucyclops speratus* (Lilljeborg)					+																																							+						
18	*Tropocyclops prasinus* (Fischer)																																+																		
	Phân lớp Chân mang-Branchiopoda																																																		
	Bộ giáp xác râu ngành - Cladocera																																																	
	Họ Bosminidae																																																	
19	*Bosmina longirostris* (O. F. Muller)	+		+	+		+	+					+	+		+	+	+		+	+	+			+	+	+				+		+	+	+	+	+		+	+	+	+		+	+		+	+	+
20	*Bosminopsis deitersi* Richard	+					+					+	+				+																			+						+								

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn													
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt												Triều cường								Triều kiệt					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	Họ Sididae																																																	
21	*Sida crystallina* (O.F. Muller)																				+																													
22	*Diaphanosoma sarsi* Richard													+		+	+		+	+	+	+		+					+					+	+	+	+												+
23	*Diaphanosoma excisum* Sars															+										+						+										+						
24	*Diaphanosoma leuchtenbergianum* Fischer												+				+		+		+	+				+	+					+				+	+											+
	Họ Macrothricidae																																																
25	*Macrothrix spinosa* King	+	+																								+	+	+		+	+	+					+		+	+	+	+						
26	*Ilyocryptus halyi* Brady	+											+													+				+				+	+			+										
	Họ Daphniidae																																																
27	*Moinodaphnia macleayii* (King)																		+	+		+	+	+	+	+										+												+
28	*Moina dubia de* Guerne et Richard						+			+			+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+				+		+
29	*Scapholeberis kingi* Sars								+												+					+												+	+									
30	*Daphnia carinata* King																+																			+												
31	*Daphnia lumholtzi* Sars																			+																													
32	*Simocerphalus elizabethae* (King)				+																																	+	+					+						
33	*Ceriodaphnia rigaudi* Richard										+	+			+	+			+								+							+	+		+											+
	Họ Chydoridae																																																
34	*Alona guttata guttata* Sars					+	+		+			+																																+	+				
35	*Alona eximia* Kiser										+																				+					+												+
36	*Alona rectangula* Sars																													+		+		+			+			+	+								

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																		Cầu Vũ yên																		Cầu Ruột Lợn											
		Triều cường									Triều kiệt									Triều cường									Triều kiệt									Triều cường						Triều kiệt					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
37	*Biapertura intermedia* (Sars)						+																				+																				+		
38	*Biapertura karua* (King)												+																																				
39	*Camptocercus vietnamensis* Dang			+																																								+					
40	*Pleuroxus similis* (Vavra)		+					+			+	+					+												+			+	+			+		+		+			+					+	
41	*Disparalona rostrata* (Koch)	+	+	+													+																			+						+	+	+					
42	*Dunhevedia crassa* King		+	+							+	+								+																							+	+					
43	*Chydorus sphaericus sphaericus* (O.F. Muller)	+			+		+	+																+		+		+	+		+	+	+	+	+					+	+	+			+		+	+	
44	*Kurzia longirostris* (Daday)					+									+											+																				+			
45	*Euryalona orientalis*																																		+						+								
	Ngành Giun tròn - Nemathelminthes																																																
	Lớp Trùng bánh xe - Rotatoria																																																
	Bộ Monogononta																																																
	Họ Asplanchnidae																																																
46	*Asplanchna sieboldi* (Leydig)			+		+							+	+	+			+	+	+			+	+		+	+					+	+	+			+		+	+	+			+		+			+
	Họ Mytilinidae																																																
47	*Mytilina ventralis* (Ehrenberg)			+				+		+																+		+				+	+				+	+	+					+				+	+
	Họ Trichocercidae																																																
48	*Trichocerca (Trichocerca) longiseta* (Schrank)											+																																					
	Họ Philodinidae																																																

Stt	TÊN THỰC VẬT NỔI	Cầu Nguyễn Trãi																	Cầu Vũ yên																					Cầu Ruột Lợn												
		Triều cường									Triều kiệt								Triều cường									Triều kiệt													Triều cường									Triều kiệt				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
49	*Rotaria neptunia* (Ehrenberg)													+																																				
50	*Rotaria rotaria* (Pallas)													+																																				
	Họ Brachionidae																																																
51	*Brachionus caudatus* Apstein													+																																				
52	*B. quadridentatus* Hermann												+		+		+																		+															
53	*B. falcatus* Zacharias													+					+															+			+		+	+	+								
54	*B. calyciflorus* Pallas												+	+					+	+						+				+	+		+	+	+		+	+	+	+	+							+
55	*B. urceus* (Linnaeus)												+														+					+																
56	*B. divesicornis*																																		+			+		+	+								
57	*Platyias quadricornis* (Ehrenberg)														+			+											+		+							+		+	+								
	Họ Testudinellidae																																																
58	*Pompholyx complanata* Cosse														+																																			
	Nhóm khác																																																
59	*Ấu trùng giáp xác Crusstacea*						+						+					+		+	+	+	+	+		+							+	+	+			+		+					+		+
60	*Ấu trùng thân mềm Mollusca*											+		+			+	+	+	+		+									+					+			+	+		+						
61	*Ấu trùng côn trùng Insect larvae*	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+			+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
62	*Giáp xác Ostracoda*									+																			+										+										

Mật độ ĐVN các trạm khảo sát
Dự án đường trục chính đô thị TP. Hải Phòng

Stt	Trạm khảo sát	Mật độ ĐVN (Con/m^3)				
		Tổng số	Copepoda	Cladocera.	Rotatoria	N. khác
1	C. Nguyễn Trãi Tn IP ĐT	249	69	131	0	49
2	C. Nguyễn Trãi Tn IG ĐT	80	16	25	0	39
3	C. Nguyễn Trãi Tn IT ĐT	73	18	16	6	32
4	C. Nguyễn Trãi Tim IIP ĐT	57	26	10	0	20
5	C. Nguyễn Trãi Tim IIG ĐT	206	151	18	4	33
6	C. Nguyễn Trãi Tim IIT ĐT	837	592	225	0	20
7	C. Nguyễn Trãi Hn IIIP ĐT	100	71	12	2	14
8	C. Nguyễn Trãi Hn IIIG ĐT	29	6	4	0	19
9	C. Nguyễn Trãi Hn IIIT ĐT	80	10	2	2	66
10	C. Nguyễn Trãi Tn IP CT	71	6	24	0	41
11	C. Nguyễn Trãi Tn IG CT	78	10	25	2	41
12	C. Nguyễn Trãi Tn IT CT	1735	857	674	61	143
13	C. Nguyễn Trãi Tim IIP CT	7694	347	245	7021	82
14	C. Nguyễn Trãi Tim IIG CT	951	833	69	33	16
15	C. Nguyễn Trãi Tim IIT CT	2735	2408	286	0	41
16	C. Nguyễn TrãiHn IIIP CT	1882	1510	306	4	61
17	C. Nguyễn Trãi Hn IIIG CT	620	371	188	45	16
18	C. Nguyễn Trãi Hn IIIT CT	8878	4204	4245	143	286
19	C. Vũ Yên Tn IP ĐT	1171	355	775	8	33
20	C. Vũ Yên Tn IG ĐT	12571	11061	816	0	694
21	C. Vũ Yên Tn IT ĐT	1784	1323	167	0	294
22	C. Vũ Yên Tim IIP ĐT	4449	4163	224	20	41
23	C. Vũ Yên Tim IIG ĐT	1416	1351	51	6	8
24	C. Vũ Yên Tim IIT ĐT	1247	1198	39	0	10
25	C. Vũ Yên Hn IIIP ĐT	2322	1592	135	29	20
26	C. Vũ Yên Hn IIIG ĐT	673	286	265	82	41
27	C. Vũ Yên Hn III T ĐT	73	24	16	6	26
28	C. Vũ Yên Tn IP CT	63	33	16	8	6
29	C. Vũ Yên Tn IG CT	122	49	37	24	12
30	C. Vũ Yên Tn IT CT	1167	734	245	163	24
31	C. Vũ Yên Tim IIP CT	4796	2449	1755	224	367
32	C. Vũ Yên Tim IIG CT	5837	2653	2245	449	490
33	C. Vũ Yên Tim IIT CT	6000	1939	3327	245	490
34	C. Vũ Yên Hn IIIP CT	10510	4898	5143	327	143
35	C. Vũ Yên Hn IIIG CT	1882	1510	306	4	61
36	C. Vũ Yên Hn IIIT CT	51816	32490	17755	1286	286
37	C. Ruột Lơn Tn IP ĐT	39551	17633	20000	1388	531
38	C. Ruột Lơn Tn IT ĐT	23633	13878	8572	816	367

Stt	Trạm khảo sát	Mật độ ĐVN (Con/m^3)				
		Tổng số	Copepoda	Cladocera.	Rotatoria	N. khác
39	C. Ruột Lợn Tim IIP ĐT	28163	15959	11224	531	449
40	C. Ruột Lợn Tim IIT ĐT	32367	22857	8571	653	286
41	C. Ruột Lợn Hn IIIP ĐT	249	69	131	0	49
42	C. Ruột Lợn Hn IIIT ĐT	80	16	25	0	39
43	C. Ruột Lợn Tn IP CT	73	18	16	6	32
44	C. Ruột Lợn Tn IT CT	57	26	10	0	20
45	C. Ruột Lợn Tim II P CT	206	151	18	4	33
46	C. Ruột Lợn Tim II T CT	837	592	225	0	20
47	C. Ruột Lợn Hn IIIP CT	100	71	12	2	14
48	C. Ruột Lợn Hn IIIT CT	51816	32490	17755	1286	286

Xác nhận của cơ quan

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

Q.VIỆN TRƯỞNG

Trần Huy Thái

Người tổng hợp kết quả

Phan Văn Mạch

Mật độ sinh khối ĐVĐ các trạm khảo sát
Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

Stt	Trạm khảo sát	Tổng số		Bivalvia		Crustacea		Gastropoda		Insect	
		con/m^2	g/m^2	con/m^2	g/m^2	con/m^2	g/m^2	con/m^2	g/m^2	con/m^2	g/m^2
1	C. Nguyễn Trãi Tn IP	21	13.2	3	3.4	3	0.4	14	9.1	1	0.3
2	C. Nguyễn Trãi Tn IG	16	16.96	1	1.7			15	15.26		
3	C. Nguyễn Trãi Tn IT	30	11.56	3	1.1	2	0.1	23	10.26	2	0.1
4	C. Nguyễn Trãi Tim IIP	27	37.6	1	0.4	3	1.7	18	32.1	5	3.4
5	C. Nguyễn Trãi Tim IIG	18	5.9	3	3.5	1	0.04	14	2.36		
6	C. Nguyễn Trãi Tim IIT	5	4.15	1	0.3	1	0.05	1	3.2	2	0.6
7	C. Nguyễn Trãi Hn IIIP	20	15.2	2	2.5			18	12.7		
8	C. Nguyễn Trãi Hn IIIG	48	43.4	7	4.8	1	3.2	34	34.2	6	1.2
9	C. Nguyễn Trãi Hn IIIT	12	14.4	2	2.4	1	1.7	9	10.3		
10	C. Vũ Yên Tn IP	18	23	7	6.6	2	1.9	9	14.5		
11	C. Vũ Yên Tn IG	21	11.7	19	9.7			2	2		
12	C. Vũ Yên Tn IT	26	25.51	23	23.5			2	2	1	0.01
13	C. Vũ Yên Tim IIP	24	3.87	19	3.82					5	0.05
14	C. Vũ Yên Tim IIG	7	7.2	6	4.8			1	2.4		
15	C. Vũ Yên Tim IIT	8	44.6	6	41.8			2	2.8		
16	C. Vũ Yên Hn IIIP	12	8.4	1	0.5	1	0.2	10	7.7		
17	C. Vũ Yên Hn IIIG	22	18.81			1	0.01	21	18.8		
18	C. Vũ Yên Hn III T	28	26.8	1	2.1	5	0.5	22	24.2		
19	C. Ruột Lơn Tn IP	28	8.7	5	4			23	4.7		
20	C. Ruột Lơn Tn IT	88	28.68	44	14.35	1	0.7	43	13.63		
21	C. Ruột Lơn Tim IIP	69	9.18	25	2.5			44	6.68		
22	C. Ruột Lơn Tim IIT	3	9.4	3	9.4						
23	C. Ruột Lơn Hn IIIP	7	6.1	3	2.1			4	4		
24	C. Ruột Lơn Hn IIIT	19	25.2	5	4.5	2	0.1	12	20.6		

Danh sách thành phần loài ĐVĐ các trạm khảo sát
Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

Stt	Tên ĐVĐ	Cầu Nguyễn Trãi									Cầu Vũ Yên									Cầu Ruột Lợn					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Ngành động vật Thân mềm - Mollusca																								
	Lớp Hai mảnh vỏ - Bivalvia																								
	Họ Corbiculidae																								
1	*Corbicula cyreniformis* Prime									+			+	+	+	+							+	+	
2	*Corbicula messageri* Bav.et.Dautz	+	+	+	+		+	+	+	+	+									+	+				+
3	*Corbicula moreletiana* (Prime)	+						+	+			+	+		+	+	+					+	+		+
4	*Corbicula boudoni* Morlet												+							+					
	Họ Mytilidae																								

Stt	Tên ĐVĐ	Cầu Nguyễn Trãi									Cầu Vũ Yên									Cầu Ruột Lợn					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
5	*Limnoperna siamensis* (Morelet)										+	+	+	+	+	+					+	+		+	
	Họ Amblemidae																								
6	*Oxynaia diespiter* (Mabille)					+																			
	Họ Unionidae																								
7	*Sinanodonta jourdyi* (Morlet)															+									
8	*Nodularia douglasiae crassidens* Hass											+											+		
9	*Nodularia dori*																		+						
10	*Solenaia oleivoira* (Heude)											+	+	+											
	Lớp Chân bụng - Gastropoda																								
	Họ Ampullariidae																								
11	*Pila conica* (Gray)								+																
12	*Pomacea bridgesi* (Reeve)									+								+				+			
13	*Pomacea canaliculata* (Lamarck)	+																							
	Họ Bithyniidae																								
14	*Allocinma longicornis* (Benson)																							+	
	Họ Lymnaeidae																								
15	*Lymnaea swinhoei* Adams	+	+	+													+								+
16	*Lymnaea viridis* Quoy et Gaimard					+												+		+	+	+			
	Họ Pachychilidae																								
17	*Brotia siamensis* (Brot)	+	+	+	+	+		+	+		+							+			+	+			+
	Họ Stenothyridae																								
18	*Stenothyra messageri* Bavey et Dautzenberg			+		+															+	+			
	Họ Planorbidae																								
19	*Gyraulus heudei* (Clessin)			+																	+	+			
	Họ Thiaridae																								
20	*Melanoides tuberculatus* (Muller)	+	+		+	+			+	+		+	+			+				+	+	+			+
21	*Tarebia granifera* (Lamarck)		+	+				+			+						+			+	+			+	
22	*Thiara scabra* (Muller)			+	+				+								+			+	+	+		+	+
	Họ Viviparidae																								
23	*Angulyagra boettgeri* (Heude)								+										+					+	
24	*Angulyagra polyzonata* (Frauenfeld)		+	+	+			+	+	+					+		+			+	+	+			+
25	*Sinotaia aeruginosa* (Reeve)			+	+	+	+		+		+	+	+				+	+	+						
	Ngành động vật chân khớp - Arthropoda																								
	Lớp giáp xác - Crustacea																								
	Bộ Mười chân - Decapoda																								
	Phân bộ Tôm - Macrura																								
	Họ Atyidae																								
26	*Neocaridina vietnamensis* Dang	+																							
27	*Caridina acuticaudata* Dang																			+					

Stt	Tên ĐVĐ	Cầu Nguyễn Trãi									Cầu Vũ Yên									Cầu Ruột Lợn					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
28	*Caridina flavilineata* Dang			+	+													+							+
29	*Caridina subnilotica* Dang					+																			
	Họ Palaemonidae																								
30	*Macrobrachium hainanense* Parisi	+			+		+				+						+		+		+				
	Phân bộ Cua - Brachuyra																								
	Họ Parathelphusidae																								
31	*Somaniathelphusa dugasti* (Rathbun)								+	+															
32	*Somaniathelphusa sinensis* H. Milne Edwards										+														
	Lớp Côn Trùng - Insect																								
	Bộ Chuồn chuồn - Odonata																								
	Họ Coenagrionidae																								
33	Coenagrionidae			+																					
	Họ Corduliidae																								
34	Corduliidae	+																							
	Họ Libellulidae																								
35	Libellulidae				+																				
	Họ Gomphidae																								
36	Gomphidae						+		+																
	Bộ Hai cánh - Diptera																								
	Họ Chironomidae																								
37	Chironomidae												+	+											
	Họ Ephemeridae																								
38	Ephemeridae								+																
	Bộ cánh vảy - Lepidoptera																								
	Họ Pyralidae																								
39	Pyralidae													+											
	Bộ **Cánh cứng - Coleoptera**																								
	Họ Helodidae																								
40	Helodidae				+				+																
	Bộ Cánh nửa - Hemiptera																								
	Họ Naucoridae																								
41	Naucoridae				+																				

Xác nhận của cơ quan

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

Q.VIỆN TRƯỞNG

Trần Huy Thái

Người tổng hợp kết quả

Phan Văn Mạch

PHỤ LỤC 4
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

1. Công văn số 167/BQLPTĐT – QLCL ngày 01/12/2015 của Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng về việc xin ý kiến tham vấn về "Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng
2. Biên bản hop và công văn trả lời tham vấn của UBND phường Máy Tơ
3. Biên bản hop và công văn trả lời tham vấn của UBND xã Dương Quan

①

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MÁY TƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngô Quyền, ngày 18 tháng 4 năm 2015

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN ĐTXD ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Giới thiệu

Địa điểm	Ngày họp	Số người tham gia
Hội trường Phường Máy Tơ	Ngày 18/ 4 /2015	167 người
Mục đích của buổi họp - Cung cấp những thông tin cơ bản về Dự án tới cộng đồng. - Cung cấp thông tin về các tác động chủ yếu dự kiến của dự án đến môi trường. - Thu thập ý kiến đóng góp về Dự án của những người thạm dự buổi họp.		
Tổ chức Đai diện UBND Phường Máy Tơ Ông: Nguyễn Văn Thạo Chức vụ: Chủ tịch UBND Đai diện Ban QLDA Ông: Nguyễn Ngọc Long Chức vụ: Trưởng phòng QLCL Đai diện tư vấn: Ông: Phạm Thế Giang Chức vụ: Chuyên gia Môi trường Ông: Yasuhisa Minami Chức vụ: Tư vấn JICA	Danh sách các thành viên của tham dự được đính kèm theo biên bản này.	
Thư ký: Ông: Phạm Mạnh Tiến		
Người báo cáo: Phạm Thế Giang		

Đón tiếp đại biểu tham dự cuộc họp, phát tờ rơi giới thiệu về Dự án đến các đại biểu.

Cuộc họp bắt đầu lúc 8 h 00, đại diện UBND Phường giới thiệu các thành viên của Ban tổ chức, giới thiệu mục đích của cuộc họp.

Đại diện Dự án trình bày sơ bộ về xuất xứ, mục đích và tiến trình của Dự án.

Đại diện Tư vấn trình bày nội dung chính của buổi họp tham vấn:

- Giới thiệu nội dung của Dự án và nội dung của cuộc họp.
- Mô tả những tác động dự kiến của Dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Tiếp theo là phần thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề môi trường, GPMB&TĐC của Dự án, cụ thể như sau:

2. Thảo luận

Bà Bùi Thị Lan Dung : Ủng hộ việc triển khai dự án, nhưng cần biết thêm thông tin thời gian dự án sẽ triển khai để người dân có chuẩn bị ổn định cho cuộc sống tương lai. Cần có bàn bạc với dân khi đền bù GPMB phù hợp đảm bảo cho người dân bằng hoặc hơn điều kiện sinh sống hiện nay. Mong muốn dự án sớm triển khai vì đã nghe nói thời gian khá lâu rồi.

Ông Nguyễn Ngọc Đăng : Ủng hộ việc triển khai dự án, nhưng cần đảm bảo tinh thần cho người dân, người cao tuổi. Lo lắng nếu phải di dời, ở khu tái định cư thì sẽ phát sinh nhiều khoản tiền tốn kém khi ở những khu tái định cư(phí gửi xe, sinh hoạt...). Người dân mất khả năng kinh doanh so với thời điểm trước.

Ông Lường Mai Sang : Đề nghị phía dự án tiếp thu ý kiến của người dân, giải quyết các nguyện vọng của người dân. Khi nghiên cứu dự án, cần giảm tối đa thiệt hại khi GPMB. Mở tuyến về phía bên nào thì nên mở một bên, không mở hai bên một ít gay thiệt hại nhiều cho các hộ dân. Cần biết thời điểm dự án triển khai để có định hướng cho cuộc sống.

Ông Nguyễn Tính : Ủng hộ việc triển khai dự án, chủ trương của Nhà nước. Đề nghị có sự công bằng giữa nhà nước và nhân dân khi triển khai dự án để không thiệt thòi cho người dân khi phải GPMB tái định cư, nhưng vẫn đảm bảo công trình cho Nhà nước. Trong quá trình thực hiện dự án cần phải công khai cho người dân (đi đâu, ở đâu..) để người dân được bàn bạc, trao đổi. Thời gian triển khai các bước phải rõ ràng và minh bạch.

Ông Nguyễn Tài Hải : Cần làm rõ chính sách đền bù cho những trường hợp khác nhau trong phạm vi dự án. Những người thuê nhà của nhà nước, những đối tượng có sổ đỏ riêng. Cần minh bạch việc đền bù cho các hộ dân, giá cả phải rõ ràng.

Bà Nguyễn Thị Trinh (Vợ liệt sỹ) : Đềnghị nhà nước đền bù thỏa đáng cho gia đình khi GPMB để không bị thiệt thòi cho gia đình. Mong muốn có đất tái định cư và tiền đền bù thỏa đáng.

Bà Đỗ Thị Thiện : Cần cho biết thời điểm triển khai dự án để sớm ổn định cuộc sống.

Ông Đoàn Đức Vượng : Nên GPMB về một phía để giảm thiệt hại. Và đền bù trước lúc giải tỏa để người dân có tiền để chuẩn bị cho cuộc sống, không để khi giải tỏa xong rồi không có nơi cư trú.

Bà Nguyễn Thị Nhạn đề nghị đền bù theo giá thị trường bằng chung cư hay tiền mặt

Ông Vũ Ngọc Long (GĐ công ty CPTV XDCT Hàng Hải) : Cần nêu rõ chính sách đền bù, tái định cư cho doanh nghiệp đang hoạt động trong phạm vi dự án.

Bà Nguyễn Thị Hiền : Ủng hộ dự án, nếu giải tỏa thì những hộ giáp ranh có ảnh hưởng gì không.

Đại diện Dự án trả lời một số vấn đề người dân quan tâm : Hiện nay Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, phạm vi của Dự án mới chỉ ở mức tương đối. Trong các bước tiếp theo Dự án sẽ có thiết kế chi tiết, cụ thể hơn. Về vấn đề thu hồi đất, Dự án sẽ tiếp thu các ý kiến của bà con để nghiên cứu phương án thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi và hỗ trợ tốt cho cuộc sống của người dân. Các phương án về hỗ trợ công ăn việc làm cho lao động trong gia đình sẽ được Dự án nghiên cứu và trao đổi thêm với chính quyền các cấp để có phương án tốt nhất.

3. Tổng kết và bế mạc cuộc họp

Đại diện chính quyền địa phương và người dân tham dự cuộc họp nhất trí với chủ trương xây dựng cầu Nguyễn Trãi bắc qua sông Cấm nối trung tâm hành chính hiện tại phía bờ nam sông Cấm với khu trung tâm quản lý hành chính quy hoạch phía bờ Bắc với mục tiêu phát triển trong tương lai thành phố Hải Phòng. Chính quyền ủng hộ những ý kiến đóng góp của người dân tham gia trong hội nghị, và sẽ tham mưu với thành phố giải quyết.

Đại diện Dự án tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tham gia cuộc họp. Đại diện Chính quyền địa phương phát biểu bế mạc cuộc họp tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 10 h 30 cùng ngày.

Đại diện UBND phường Máy Tơ	**Đại diện Chủ Dự án**	**Đại diện tư vấn**
CHỦ TỊCH		
Nguyễn Văn Thao	Nguyễn Ngọc Long	Phạm Thế Giang

(4)

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MÁY TƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngô Quyền, ngày 30 tháng 5 năm 2015

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN ĐTXD ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Giới thiệu

<table>
<tr><th>Địa điểm</th><th>Ngày họp</th><th>Số người tham gia</th></tr>
<tr><td>Hội trường UBND Phường Máy Tơ</td><td>Ngày 30/5/2015</td><td>..... người</td></tr>
<tr><td colspan="2">Mục đích của buổi họp
- Cung cấp những thông tin cơ bản về Dự án tới cộng đồng.
- Cung cấp thông tin về các tác động chủ yếu dự kiến của dự án đến môi trường.
- Thu thập ý kiến đóng góp về Dự án của những người tham dự buổi họp.</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Tổ chức
Đại diện UBND Phường Máy Tơ
Ông: Nguyễn Văn Thảo
Chức vụ: Chủ tịch UBND phường Máy Tơ.
Đại diện Ban Quản lý Công trình xây dựng và phát triển đô thị (Thành phố Hải Phòng)
Ông: Nguyễn Ngọc Long
Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý chất lượng
Đại diện tư vấn:
Ông: Phạm Thế Giang
và các thành viên trong đoàn</td><td rowspan="3">Danh sách các thành viên của tham dự được đính kèm theo biên bản này.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Thư ký:
Bùi Nguyên Phổ</td></tr>
<tr><td colspan="2">Người báo cáo: Phạm Thế Giang</td></tr>
</table>

Đón tiếp đại biểu tham dự cuộc họp, phát tờ rơi giới thiệu về Dự án đến các đại biểu.

Cuộc họp bắt đầu lúc 8h30, đại diện UBND Phường Máy Tơ giới thiệu các thành viên của Ban tổ chức, giới thiệu mục đích của cuộc họp.

Đại diện Dự án trình bày sơ bộ về xuất xứ, mục đích và tiến trình của Dự án.

Đại diện Tư vấn trình bày nội dung chính của buổi họp tham vấn:

- Giới thiệu nội dung của Dự án và nội dung của cuộc họp.
- Mô tả những tác động dự kiến của Dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Tiếp theo là phần thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề môi trường, GPMB&TĐC của Dự án, cụ thể như sau:

2. Thảo luận

- Ông Đồng Văn Tải: Ủng hộ chủ trương của Đảng và nhà nước khi triển khai dự án. Có ý kiến sau: (1) Cần công bố phương án lựa chọn chính thức của dự án, (2) cần bố trí khu vực tái định cư cho bà con và (3) việc đền bù cho bà con cần được hợp lý, công khai.

- Ông Nguyễn Đức Luận: Cần thông báo công khai rộng rãi tới người dân các vấn đề về di dời, đền bù và tái định cư. Cần thực hiện sớm các công việc trước khi tiến hành dự án.

- Ông Nguyễn Đình Hùng – Hiệu trưởng trường Cấp 3 (Eistain): Dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới trường học, vì vậy cần có kế hoạch cụ thể và công bố sớm để trường có kế hoạch đối với việc học tập của giáo viên và học sinh trong trường.

- Ông Nguyễn Văn Thuần – Công ty cấp nước Hải Phòng: Dự án sẽ có khả năng ảnh hưởng tới trạm bơm máy tơ. Vì vậy đề nghị dự án có phương án di dời trạm bơm cũng như việc cung cấp kinh phí để thực hiện để việc sử dụng nước của các hộ dân, doanh nghiệp, khu công nghiệp không bị ảnh hưởng.

- Bà Lê Thị Vườn: Dự án cần có kế hoạch giải phóng mặt bằng công bằng, hợp lý ; không gây ảnh hưởng nhiều tới cuộc sống của người dân.

- Đại diện Dự án trả lời một số vấn đề người dân quan tâm: Hiện nay Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, phạm vi của Dự án mới chỉ ở mức tương đối. Trong các bước tiếp theo Dự án sẽ có thiết kế chi tiết, cụ thể hơn. Những ý kiến đóng góp của bà con sẽ được phía dự án tiếp thu và có nghiên cứu tính toán sao cho dự án có tính khả thi cao nhất, đảm bảo quyền lợi và hỗ trợ tốt cho cuộc sống của người dân. Vấn đề về ảnh hưởng các công trình công cộng của địa phương, ảnh hưởng do thi công xây dựng đến

giảm thiểu tối đa nhất, có đánh giá tác động cụ thể và có chương trình giám sát trong các giai đoạn thực hiện dự án.

3. Tổng kết và bế mạc cuộc họp

Đại diện chính quyền địa phương phát biểu ý kiến: Địa phương ủng hộ việc triển khai Dự án, và nhất trí những ý kiến đóng góp tham gia của nhân dân. Chính quyền cũng mong phía đoàn Dự án lưu ý các ý kiến của người dân, nghiên cứu có biện pháp thực hiện đảm bảo đúng theo quy định Nhà nước nhưng cố gắng thỏa mãn lợi ích cho nhân dân địa phương.

Đại diện Chính quyền địa phương phát biểu bế mạc cuộc họp tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 10h00 cùng ngày.

Đại diện UBND phường	**Đại diện Chủ Dự án**	**Đại diện tư vấn**
U.B.N.D PHƯỜNG MÁY TƠ Q.NGÔ QUYỀN T.P HẢI PHÒNG		
CHỦ TỊCH		
Nguyễn Văn Thảo	Nguyễn Ngọc Lay	Phạm Thế Giang

(9)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DƯƠNG QUAN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủy Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2015

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN ĐTXD ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Giới thiệu

Địa điểm	Ngày họp	Số người tham gia
Phòng họp UBND xã Dương Quan	Ngày 17/4/2015	24 người
Mục đích của buổi họp - Cung cấp những thông tin cơ bản về Dự án tới cộng đồng. - Cung cấp thông tin về các tác động chủ yếu dự kiến của dự án đến môi trường. - Thu thập ý kiến đóng góp về Dự án của những người tham dự buổi họp.		
Tổ chức Đại diện UBND xã Dương Quan: Ông: Trần Bá Bình Chức vụ: Chủ Tịch UBND xã Đại diện Ban QLDA Ông: Nguyễn Ngọc Long Chức vụ: Trưởng Phòng QLCL Đại diện tư vấn: Ông: Phạm Thế Giang Chức vụ: Chuyên gia Môi trường Ông: Yasuhisa Minami Chức vụ: Tư vấn JICA	Danh sách các thành viên của tham dự được đính kèm theo biên bản này.	
Thư ký: Ông: Đặng Vũ Hiền		
Người báo cáo: Phạm Thế Giang		

thu các ý kiến của bà con để nghiên cứu phương án thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi và hỗ trợ tốt cho cuộc sống của người dân. Các phương án về hỗ trợ công ăn việc làm cho lao động trong gia đình sẽ được Dự án nghiên cứu và trao đổi thêm với chính quyền các cấp để có phương án tốt nhất.

3. Tổng kết và bế mạc cuộc họp

Đại diện chính quyền địa phương và người dân tham dự cuộc họp nhất trí với chủ trương xây dựng tuyến đường vành đai 3 thành phố Hải Phòng với mục tiêu phát triển giao thông và kinh tế khu vực huyện Thủy Nguyên nói riêng cũng như thành phố Hải Phòng nói chung. Đại diện Dự án tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tham gia cuộc họp. Đại diện Chính quyền địa phương phát biểu bế mạc cuộc họp tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16.h.30.. cùng ngày.

Đại diện UBND xã	**Đại diện Chủ Dự án**	**Đại diện tư vấn**
CHỦ TỊCH Trần Bá Bình	Nguyễn Ngọc Lay	Phạm Thế Giang

U.B.N.D. Phường Máy Tơ

Số: 125 / CV-UB

V/v: ý kiến tham vấn về "*Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng

U.B.N.D. Phường Máy Tơ nhận được Văn bản số 167/BQLPTĐT-QLCL ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng. Sau khi xem xét tài liệu này, U.B.N.D. Phường Máy Tơ có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của Dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

Các tác động tiêu cực đã được xem xét và đánh giá mức độ ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên - xã hội

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

Các biện pháp giảm thiểu đã đề ra cần nghiêm túc thực hiện và giám sát thường xuyên tránh xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường

3. Kiến nghị đối với Chủ dự án:

Hỗ trợ tối đa cho người dân bị thu hồi đất đai, nhà cửa. Hỗ trợ địa phương xây dựng, cải tạo các công trình hạ tầng trên địa bàn. Thông báo kế hoạch và phối hợp với chính quyền địa phương trong các bước tiếp theo

Trên đây là ý kiến của U.B.N.D. Phường Máy Tơ gửi Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng để xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

U.B.N.D. PHƯỜNG MÁY TƠ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Hồng Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG... Máy Tơ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 8 tháng 12 năm 2015

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN ĐTXD ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Giới thiệu

Địa điểm	Ngày họp	Số người tham gia
..... UBND Phường Máy Tơ	Ngày 8/12/2015	.... người
Mục đích của buổi họp - Cập nhật những thông tin cơ bản về Dự án tới cộng đồng. - Cung cấp thông tin về các tác động chủ yếu dự kiến của dự án đến môi trường. - Thu thập ý kiến đóng góp về Dự án của những người tham dự buổi họp.		
Tổ chức Đại diện .... UBND Phường Máy Tơ .....: Ông: ..... Đặng Hoàng Dương ..... Chức vụ: ..... Phó Chủ tịch UBND ..... Đại diện ..... Ban Quản lý Dự án ..... Ông: ..... Nguyễn Ngọc Long ..... Chức vụ: ..... Chuyên viên ..... Đại diện tư vấn: Ông: .... Đặng Văn Hiền ..... Chức vụ: ..... Kỹ sư Môi trường ..... Ông: ..... Chức vụ:	Danh sách các thành viên của tham dự được đính kèm theo biên bản này.	
Thư ký: Ông: ..... Nguyễn Lê An		
Người báo cáo: ..... Đặng Văn Hiền		

Đón tiếp đại biểu tham dự cuộc họp, phát tờ rơi giới thiệu về Dự án đến các đại biểu.

Cuộc họp bắt đầu lúc 08 h 30, đại diện UBND Phường Máy Tơ giới thiệu các thành viên của Ban tổ chức, giới thiệu mục đích của cuộc họp.

Đại diện Dự án trình bày sơ bộ về xuất xứ, mục đích và tiến trình của Dự án.

Đại diện Nhóm nghiên cứu JICA trình bày nội dung chính của buổi họp tham vấn:

- Giới thiệu nội dung của Dự án và nội dung của cuộc họp.
- Mô tả những tác động dự kiến của Dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Tiếp theo là phần thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề môi trường của Dự án, cụ thể như sau:

2. Thảo luận

Sau khi được nghe trình bày về Dự án, các tác động tới môi trường, tác động tới đời sống sản xuất của khu vực Dự án, người dân tham dự cuộc họp có các ý kiến sau:

- Phạm vi 4,1,5 m thu hồi có xây dựng bao gồm vỉa hè và hai đường song song hay hạng mục nằm trong Dự án khác? Dự án trả lời: Trong các hạng mục xây dựng của Dự án đã bao gồm cả vỉa hè và hai đường gom hai bên

- Người dân ủng hộ chủ trương của nhà nước. Tuy nhiên không ủng hộ đề xuất khu tái định cư ở phường Máy Chai. Người dân đề xuất được tái định cư ở khu vực số 4 đường Trần Phú, hoặc lô đất sau Big C, hoặc ở Ngã ba Bà Sáo

- Người dân đề nghị được tham gia vào thành phần của Hội đồng GPMB sau này

- Người dân có ý kiến: khu đất họ đang ở là khu đất

trung tâm, có khả năng mang lại lợi nhuận, đảm bảo cuộc đời sống. Khi di dời cũng nên ưu tiên cho họ tới những vị trí đẹp, có khả năng kinh doanh, để ổn định đời sống của gia đình.

- Người dân có nguyện vọng được đền bù theo giá thị trường, thoả đáng. Khi tái định cư họ không muốn vào ở các khu chung cư, họ muốn được phân đất để xây nhà.

- Dự án nên xác định khu vực phường Máy Tơ là khu Trung tâm, sát phát triển về kinh tế để có những đề xuất trong phương án đền bù, hỗ trợ cho thoả mãn người dân.

- Đại diện các Doanh nghiệp bị ảnh hưởng có ý kiến: Đồng ý và ủng hộ chủ trương phát triển cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế của thành phố. Tuy nhiên cũng như đối với người dân, doanh nghiệp cũng rất mong muốn có sự hỗ trợ tốt nhất trong quá trình triển khai Dự án. Ảnh hưởng đến doanh nghiệp là trực tiếp ảnh hưởng tới rất nhiều người lao động đang tham gia sản xuất. Dự án cần cung cấp kế hoạch chi tiết cụ thể, nếu có làm cần đẩy nhanh tiến độ.

- Người dân cho rằng Dự án nếu quyết thì làm ngay thành để Dự án theo làm người dân muốn xây nhà

Cũng không xây dựng, mà nếu làm như cũng không làm được, đời sống rất khó khăn.

- Đại diện chính quyền Phường Máy Tơ phát biểu ghi nhận các ý kiến của người dân và đề nghị Dự án quan tâm tới các ý kiến này, cũng như thường xuyên phối hợp với UBND để triển khai Dự án trong các giai đoạn tiếp theo

3. Tổng kết và bế mạc cuộc họp

Đại diện Dự án và Nhóm nghiên cứu JICA tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tham gia cuộc họp. Đại diện Chính quyền địa phương phát biểu bế mạc cuộc họp tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 10 h 30 cùng ngày.

Đại diện UBND xã	Đại diện Chủ Dự án	Đại diện tư vấn
(Tên, chức vụ, đóng dấu)	(Tên, chức vụ)	(Ký và ghi rõ họ tên)
KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Đặng Hồng Dương	Nguyễn Ngọc Lay	Đặng Vũ Kiên

UBND xã Đường Quan

Số: 74/CV-UB

V/v: ý kiến tham vấn về "*Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phù 4, ngày 09 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng

UBND xã Đường Quan nhận được Văn bản số 1671/BAQLDA-QLCL ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng. Sau khi xem xét tài liệu này, UBND xã Đường Quan có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của Dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

Đồng ý với các tác động tiêu cực của Dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội và sức khỏe cộng đồng được đề cập trong báo cáo

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

Đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường T.N – K.T – X.H và sức khỏe cộng đồng được đề cập trong báo cáo

3. Kiến nghị đối với Chủ dự án:

Trên đây là ý kiến của UBND xã Đường Quan gửi Ban Quản lý Dự án xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng để xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

UBND xã Đường Quan

CHỦ TỊCH

Trần Bá Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...Đường Quan.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2015

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN ĐTXD ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Giới thiệu

Địa điểm	Ngày họp	Số người tham gia
.....UBND...Xã...Đường...Quan.....	Ngày 9./12./2015	.... người
Mục đích của buổi họp - Cập nhật những thông tin cơ bản về Dự án tới cộng đồng. - Cung cấp thông tin về các tác động chủ yếu dự kiến của dự án đến môi trường. - Thu thập ý kiến đóng góp về Dự án của những người tham dự buổi họp.		
Tổ chức Đại diện .....UBND...Xã....Đường.Quan.....: Ông: .....Trần...Bá...Bình..... Chức vụ: .....CT.UBND..... Đại diện .....Ban...QLDA..... Ông: .....Nguyễn...Ngọc...Long..... Chức vụ: .....Chuyên...viên..... Đại diện tư vấn: Ông: .....Đặng...Vũ...Kiên..... Chức vụ: .....Kỹ...Sư...Môi...trường..... Ông: ..... Chức vụ:	Danh sách các thành viên của tham dự được đính kèm theo biên bản này.	
Thư ký: Ông: .....Nguyễn...Lê...Anh.....		
Người báo cáo: .....Đặng...Vũ...Kiên.....		

Đón tiếp đại biểu tham dự cuộc họp, phát tờ rơi giới thiệu về Dự án đến các đại biểu.

Cuộc họp bắt đầu lúc ....h......, đại diện ....UBND XÃ Dương Quan........ giới thiệu các thành viên của Ban tổ chức, giới thiệu mục đích của cuộc họp.

Đại diện Dự án trình bày sơ bộ về xuất xứ, mục đích và tiến trình của Dự án.

Đại diện Nhóm nghiên cứu JICA trình bày nội dung chính của buổi họp tham vấn:

- Giới thiệu nội dung của Dự án và nội dung của cuộc họp.
- Mô tả những tác động dự kiến của Dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Tiếp theo là phần thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề môi trường của Dự án, cụ thể như sau:

2. Thảo luận

- Đại diện cộng đồng dân cư đề nghị xem xét kỹ hơn vấn đề thu hồi đất đối với các đầm nuôi thủy sản. Nếu đầm nuôi bị ảnh hưởng một phần, phần còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục nuôi trồng cần có phương án thu hồi hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất. Chủ Dự án cần dự trù kinh phí cho các phương án này.

- Các tác động quan trọng cần lưu ý là tác động do thu hồi đất và tác động do thải đổ đất ra khu vực trồng lúa bên ngoài phạm vi Dự án.

- Trong các biện pháp giảm thiểu cần lưu ý tới an toàn của đê. Cần có cơ chế giám sát, trong đó có đại diện của chính quyền và người dân địa phương trong việc giám sát thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Các công trình giao thông của địa phương nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công Dự án do hoạt động vận chuyển...

……………………………………………………………………………………

nguyên vật liệu thì Dự án phải hoàn trả lại nguyên trạng

sau khi sử dụng xong.

– Hội nghị thống nhất với các tài liệu dự thảo và các

biện pháp giảm thiểu khác mà Dự án đã trình bày.

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

3. Tổng kết và bế mạc cuộc họp

Đại diện Dự án và Nhóm nghiên cứu JICA tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tham gia cuộc họp. Đại diện Chính quyền địa phương phát biểu bế mạc cuộc họp tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào hồi ……h…… cùng ngày.

Đại diện UBND xã	Đại diện Chủ Dự án	Đại diện tư vấn
(Tên, chức vụ, đóng dấu)	(Tên, chức vụ)	(Ký và ghi rõ họ tên)
CHỦ TỊCH Trần Bá Bình	Nguyễn Ngọc Lay	Đặng Vũ Hiếu